

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN
(STP.JSC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

Tên viết tắt: TPS

Địa chỉ trụ sở chính: 720, Quốc lộ 1A, khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM

Điện thoại: 028 37161333

Fax: 028 37160891

Website: stp@benbaivantaisaigon.com.vn

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Bến bãi Vạn tài Sài Gòn, mã chứng khoán: TPS xin công bố với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về Báo cáo thường niên năm 2018.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 19/03/2019 tại đường dẫn <http://benbaivantaisaigon.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố./.

TPHCM, ngày 19 tháng 03 năm 2019

Đại diện doanh nghiệp

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Kiều

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ : 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Tp. HCM
Điện thoại : 028 3716 1333
Fax : 028 3716 0891
Website : www.benbaivantaisaigon.com.vn
Mail : stp@benbaivantaisaigon.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN



2018

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	01
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	19
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	45
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	61
QUẢN TRỊ CÔNG TY	70
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018	87

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG



A nighttime cityscape featuring a tall, cylindrical building under construction on the left. In the foreground, a multi-lane highway curves along a waterfront, with long-exposure light trails from cars in yellow, orange, and red. The water reflects the city lights, and a park area with trees and a walkway is visible on the right.

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

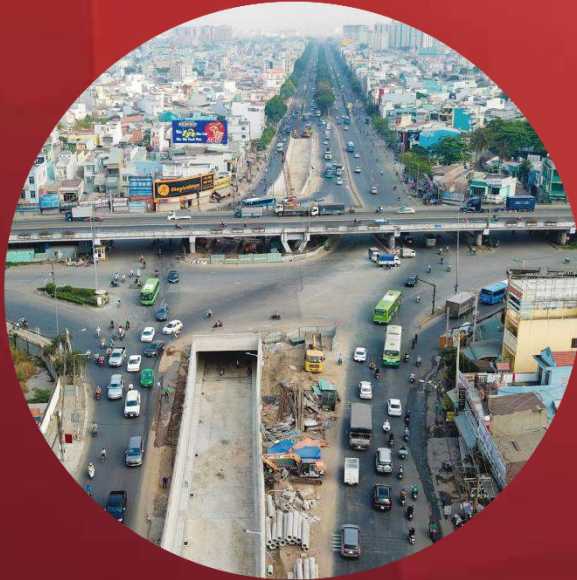
Các giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Cơ cấu tổ chức

Tầm nhìn, chiến lược và định hướng phát triển

Quản trị rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Giấy chứng nhận ĐKDN	0301114089 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/05/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/01/2018.
Vốn điều lệ	50.000.000.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	61.866.386.719 đồng
Trụ sở chính	720 QL1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại	028. 3716 1333
Fax	028. 3716 0891
Email	stp@benbaivantaisaigon.com.vn
Website	www.benbaivantaisaigon.com.vn
Mã cổ phiếu	TPS

Thành lập theo Quyết định số 235/QĐ-UB ngày 17/11/1998 của UBND TP.HCM với tên gọi là Bến xe Vận tải Hóc Môn trên cơ sở thành lập Bến đậu xe vận tải hàng hóa của nước bạn Campuchia được phép hoạt động trên địa bàn thành phố tại xã Tân Thới Nhất, huyện Hóc Môn.

Bến xe Vận tải Hóc Môn chuyển từ đơn vị sự nghiệp kinh tế sang doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích thuộc Sở Giao thông Công chánh.

1988

1997

1999

Bến xe vận tải Hóc Môn được đổi tên thành Công ty Bến bãi Vận tải Hàng hóa Thành phố theo Quyết định số 3661/QĐ-UB-KT của UBND TP.HCM

Đổi tên thành Công ty Bến bãi Vận tải Thành phố.

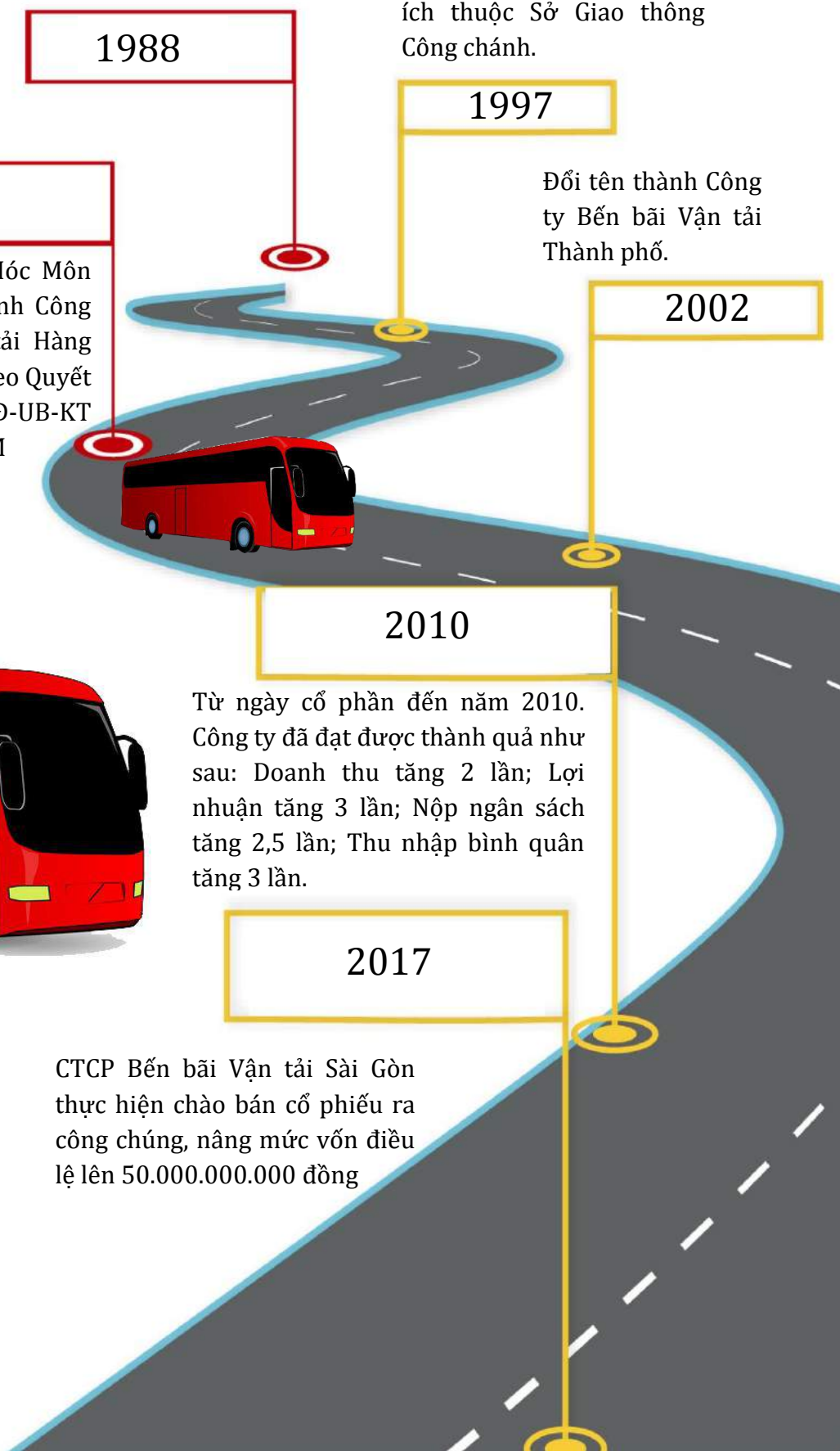
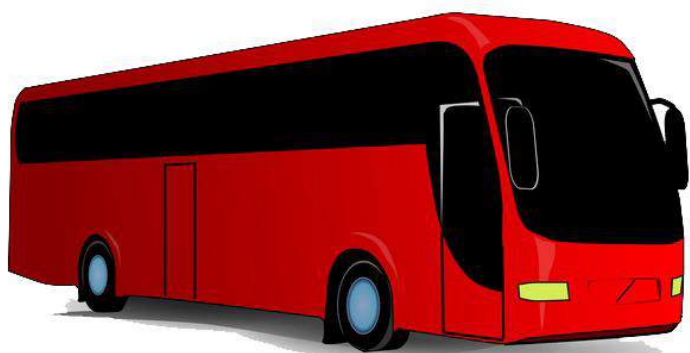
2002

2010

Từ ngày cổ phần đến năm 2010. Công ty đã đạt được thành quả như sau: Doanh thu tăng 2 lần; Lợi nhuận tăng 3 lần; Nộp ngân sách tăng 2,5 lần; Thu nhập bình quân tăng 3 lần.

2017

CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng, nâng mức vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2006

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần với tên gọi là Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn theo Quyết định số 5927/QĐ-UBND của UBND TP.HCM.

2015

Cổ phiếu Công ty cổ phần Bến bãi vận tải Sài Gòn chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM.

“Trải qua hơn 10 năm hoạt động, Công ty đã dần khẳng định được vị thế của mình, thể hiện sự ổn định và tăng trưởng từng năm”

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Chính quyền

- UBND Thành phố tặng cờ thi đua xuất sắc năm 2012, 2013.
- Bộ GTVT tặng cờ thi đua xuất sắc năm 2013, 2014.
- Từ 2010 - 2014 được UBND Thành phố tặng Bằng khen về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Năm 2015 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền.
- Từ 2010 - 2016 được UBND Thành phố Công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.
- UBND Thành phố công nhận danh hiệu “Tập thể An toàn về An ninh trật tự” 3 năm liền.
- Bến xe An sương được công nhận là bến xe văn hóa trong 7 năm liền và Bến xe Ngã Tư Ga được công nhận là Bến xe An toàn - Văn minh trong 7 năm liền.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Đảng, đoàn thể

- Đảng, đoàn thể: trong sạch, vững mạnh. Riêng năm 2014 Đảng bộ Công ty được Đảng ủy Tổng Công ty công nhận Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu.
- Công đoàn: nhiều năm liền đạt Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc.
- Đoàn Thanh niên Công ty đạt danh hiệu cơ sở đoàn xuất sắc, được Thành đoàn tặng cờ thi đua xuất sắc và Trung ương đoàn tặng Bằng khen.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại Bến xe.
- Tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố.
- Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh.
- Vận chuyển hàng hóa.
- Kinh doanh kho chứa hàng.
- Môi giới vận chuyển hàng hóa.



Địa bàn kinh doanh

Công ty có 2 bến xe trực thuộc hoạt động chính trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh



1. Bến xe An Suong

Địa chỉ: Quốc lộ 22, Ấp Đông Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP.HCM

Điện thoại: 028 3883 2516

Fax: 028 3883 0411

Email: bxansuong@benbaivantaisaigon.com.vn

Hiện tại, bến xe có 47 tuyến vận tải hành khách liên tỉnh từ bến xe An Suong đi các tỉnh Tây Ninh, Huế, Bình Phước, Bắc Ninh, Nam Định, Quảng Nam, Bình Định, Đắk Lắk, Ninh Thuận, Quảng Ngãi do 58 đơn vị vận tải đảm nhận.

Ngoài ra, bến xe An Suong còn có 14 tuyến xe buýt.

Hoạt động vận tải hành khách công cộng: 14 tuyến xe buýt đi trong nội, ngoại thành phố Hồ Chí Minh như Quận 1, Quận 5, Quận 7, Quận 12, Quận Thủ Đức, huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh và tỉnh Bình Dương.



2. Bến xe Ngã Tư Ga

Địa chỉ: 720, Quốc Lộ 1A, Khu phố 3B, P.Thạnh Lộc, Quận 12, TPHCM

Điện thoại: 028. 37161 333 (111) – 028. 37161 587

Fax: 028. 37161 587

Email: bxngatuga@benbaivantaisaigon.com.vn

Bến xe Ngã Tư Ga thành lập ngày 3/11/2003 với tổng số vốn đầu tư là 23,3 tỷ đồng. Diện tích: 29.665 m², nằm ở vị trí sát với trục giao thông Quốc lộ 1A, gần với khu dân cư và các khu công nghiệp của TP.HCM và tỉnh Bình Dương nên rất thuận lợi cho nhu cầu của khách hàng đi lại trên các tuyến miền Bắc, miền Trung, miền Tây, miền Đông Trung Bộ và các tỉnh Cao Nguyên.

Hiện tại, tổng số tuyến xe khách liên tỉnh từ Bến xe Ngã Tư Ga đi các nơi trong cả nước là 73 tuyến do 70 doanh nghiệp đảm nhận với số lượng xe là 330 chiếc. Trong đó:

- Khu vực miền Bắc	47 tuyến	242 xe
- Khu vực miền Đông và miền Trung	18 tuyến	67 xe
- Khu vực miền Tây	08 tuyến	21 xe

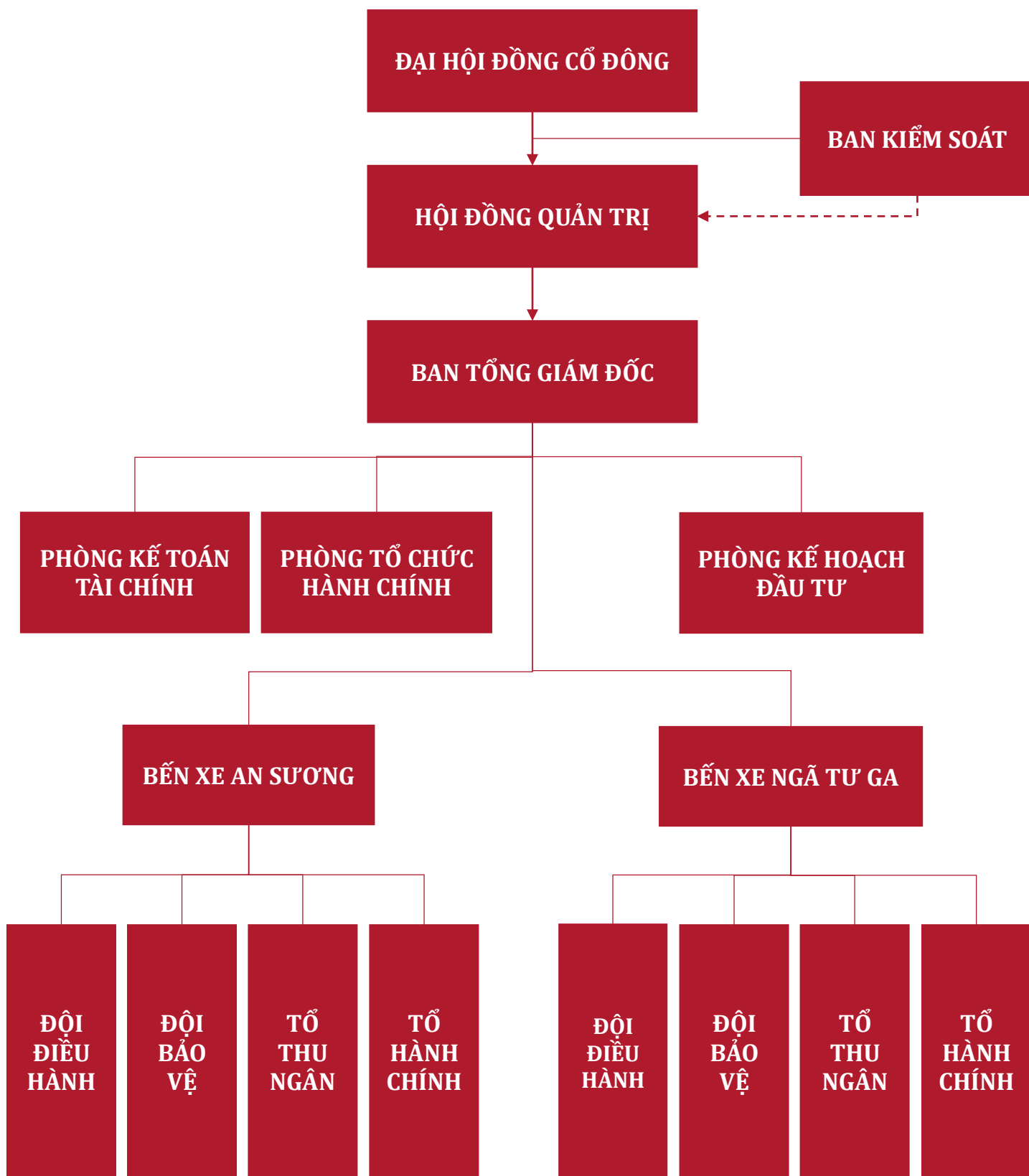
Bến xe Ngã Tư Ga có 04 tuyến xe buýt hoạt động: Bến Xe Ngã Tư Ga - Bến Xe Chợ Lớn/Bến Xe Miền tây/Bến Xe Quận 8/Bình Mỹ (Củ Chi) với 98 xe các loại thuộc 03 doanh nghiệp. Mỗi ngày thực hiện 320 lượt chuyến.

Bãi đậu xe ô tô lưu đậu bình quân trong Bến 310 lượt xe/ngày đêm.

Trong Bến có hệ thống kho chứa hàng với diện tích gần 1.000 m², hiện có 05 doanh nghiệp đang khai thác với lượng hàng hoá luân chuyển qua Bến bình quân 100 tấn/ngày.

Ngoài 5 chức năng đã nêu, Bến xe còn có các dịch vụ hỗ trợ như : Nhận uỷ thác bán vé; Văn phòng cho thuê để bán vé, điều hành; Dịch vụ ăn uống; Dịch vụ giữ xe 02 bánh; Hệ thống nhà vệ sinh, tắm giặt.

CƠ CẤU TỔ CHỨC





Công ty mẹ: Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV.

Địa chỉ: 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3920 0408

Đồng hành và chia sẻ

Fax: 028 3920 1876

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0300481551 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 31/08/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 16/10/2014.

Ngành nghề kinh doanh: Tổng Công ty là doanh nghiệp nhà nước kinh doanh đa ngành bao gồm sản xuất công nghiệp, thương mại - Dịch vụ, vận tải hành khách, vận tải hàng hóa và Xây dựng giao thông,...

Hiện nay, Tổng Công ty nắm giữ 2.550.000 cổ phần của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tương đương với tỷ lệ nắm giữ là 51% vốn điều lệ.

Công ty con, Công ty liên kết: Không có.



TẦM NHÌN, CHIẾN LƯỢC VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Tầm nhìn, Chiến lược

Trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh bến bãi khu vực phía Nam.



CÁC MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Phát triển 2 Bến xe hiện hữu thành các Bến xe đa chức năng, bên cạnh cung ứng các dịch vụ truyền thống về bến bãi, tổ chức lưu đậu phương tiện, trung chuyển hàng hóa, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện,... Công ty phát triển thêm các dịch vụ hỗ trợ, trung tâm thương mại, mua sắm, vui chơi giải trí, khách sạn, nhà nghỉ,...

Tiếp tục mở rộng thị phần, nâng cao vị thế của Công ty, trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh bến bãi khu vực phía Nam.

CHIẾN LƯỢC NGẮN HẠN

Triển khai thi công giai đoạn 1 Dự án Đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương đưa vào khai thác sử dụng trong thời gian sớm nhất, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trong thời gian chuẩn bị các thủ tục đầu tư mở rộng Bến xe An Sương lên 4,8 ha.

CHIẾN LƯỢC DÀI HẠN

Công ty không ngừng nâng cao năng lực phục vụ. Ban Lãnh đạo Công ty luôn xác định con người là yếu tố tiên quyết để phát triển của một Công ty. Vì vậy, cùng với việc đầu tư vào cơ sở vật chất, Công ty quan tâm đến việc đào tạo nguồn nhân lực để mang đến sự phục vụ khách hàng văn minh, lịch sự, chuyên nghiệp nhất.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp 02 bến xe hiện hữu đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại 1 nhằm nâng cao năng lực phục vụ và chất lượng dịch vụ.

Đầu tư mở rộng Bến xe An Sương, nâng cấp Bến xe Ngã tư Ga, đầu tư xây dựng mới Bến xe Sông Tắc trên trục đường cao tốc Sài Gòn - Long Thành - Dầu Giây, đón đầu chủ trương di dời các bến xe liên tỉnh ra khỏi nội thành.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

Tăng cường hợp tác với các đơn vị mạnh, có năng lực, uy tín để khai thác cung ứng các dịch vụ tại bến xe.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Khai thác triệt để cơ sở vật chất hiện có, duy trì và tìm kiếm khách hàng tiềm năng, mở rộng các loại hình dịch vụ để tăng nguồn thu, nhất là các dịch vụ môi giới hàng hoá, kho hàng, nhà trọ,...
- Cải tiến thủ tục hành chính, ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng phục vụ, xây dựng các chuẩn mực về chất lượng doanh nghiệp như ISO 9001-2008, văn hoá Doanh nghiệp, Bến xe văn hoá,...
- Kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo, tuyển dụng theo đúng tiêu chuẩn của mỗi chức danh, đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO





RỦI RO KINH TẾ

Kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng tốt trong nửa đầu năm 2018, sau đó đã xuất hiện những diễn biến mới khiến tình hình trở nên phức tạp hơn, mối quan hệ căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đang có dấu hiệu leo thang, ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Nhìn chung, mức độ tăng trưởng vẫn còn mạnh mẽ ở các nền kinh tế phát triển, nhưng đã chậm lại ở nhiều nước.

Kinh tế Việt Nam trong năm 2018 vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định và đạt được những con số ấn tượng. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng trưởng ở mức 7,08% cao hơn kỳ vọng là 6,8%, đây cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 kể từ năm 2008. Lạm phát được kiểm soát tốt ở mức 3,54%, đạt lạm phát mục tiêu dưới 4%. Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải hành khách và hàng hóa, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng ít nhiều bởi tác động của ngành công nghiệp, sự phát triển về giao dịch hàng hóa, thương mại và nhu cầu đi lại ngày càng gia tăng. Vì vậy, việc theo dõi những biến động của nền kinh tế sẽ giúp cho doanh nghiệp có thể đưa ra những dự báo và hoạch định chính sách trung và dài hạn đúng đắn, kịp thời.



RỦI RO LUẬT PHÁP

Hệ thống pháp luật được Nhà nước xây dựng và ban hành nhằm để điều tiết hiệu quả quản lý và điều chỉnh các quan hệ xã hội. CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, vì vậy hoạt động kinh doanh của TPS luôn chịu sự ảnh hưởng đồng thời bởi nhiều bộ Luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật giao thông đường bộ, Luật Chứng khoán,... và các văn bản dưới Luật. Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong giai đoạn hoàn thiện nên ít nhiều cũng tác động đến hoạt động quản trị, hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế những rủi ro liên quan đến yếu tố pháp lý trong quản trị hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình, đồng thời phối hợp với của đơn vị tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty để đảm bảo quá trình hoạt động kinh doanh của công ty được liên tục và không bị gián đoạn.



RỦI RO TẮT NGHẼN GIAO THÔNG

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những thành phố có tốc độ đô thị hóa nhanh nhất trong khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng giao thông vẫn chưa thể đáp ứng tốc độ phát triển này. Lượng xe cơ giới tham gia giao thông tăng cao khiến tình trạng tắc nghẽn đường diễn ra thường xuyên, đặc biệt vào giờ cao điểm khiến việc ra vào của các phương tiện vận tải tại Bến xe Ngã tư ga và Bến xe An Sương trở nên khó khăn. Để hỗ trợ các phương tiện lưu thông thuận tiện hơn, Công ty đã bố trí cán bộ trật tự ở trong và khu vực ngoài cổng của bến xe hỗ trợ điều động, giúp xe lưu thông dễ dàng hơn



RỦI RO CẠNH TRANH

Trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty hiện có hai bến xe lớn là Bến xe Miền Đông và Bến xe Miền Tây. Ngoài ra còn có các bến xe tư nhân tự phát như Bến xe Lam Hồng, Bãi xe Bắc Nam, Bãi xe Lê Hà, Bãi đậu khu Nam Long. Ngoài ra, hiện nay người tiêu dùng càng quan tâm đến trải nghiệm sản phẩm dịch vụ như cơ sở vật chất của bến xe, chất lượng dịch vụ an toàn, đáng tin cậy, cung cách phục vụ chuyên nghiệp. Vì vậy nhằm phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và cạnh tranh với các bến xe khác, TPS chú trọng đẩy mạnh phải mở rộng quy mô, nâng cấp dịch vụ. Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp chất lượng cơ sở hạ tầng với quy mô lớn đang được ráo riết chuẩn bị và thực hiện như Dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương hiện hữu 1,7ha, Dự án Mở rộng Bến xe An Sương 4,8 ha, Dự án Xây dựng Bến xe Sông Tắc,...





RỦI RO TAI NẠN GIAO THÔNG

Với mật độ xe cao, địa bàn TP. Hồ Chí Minh thường xuyên xảy ra kẹt xe và tai nạn giao thông. Vì vậy, Công ty thực hiện chủ trương không cho xe chạy xuyên tâm thành phố mà phải đi đường vành đai Quốc lộ hoặc đại lộ Đông Tây đối với các chủ hãng xe có đăng ký hoạt động tại Bến xe An Sương và Bến xe Ngã Tư Ga để giảm ùn tắc trong nội ô và hạn chế rủi ro tai nạn giao thông.



RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, còn nhiều rủi ro mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty. Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó như: tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch và ý thức bảo vệ nguồn nước cho công nhân viên cũng như người dân, các biện pháp phòng chống thiên tai,... nhằm nâng cao ý thức, giảm thiểu thiệt hại về người và của.



PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM





Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình hoạt động đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của CSH

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

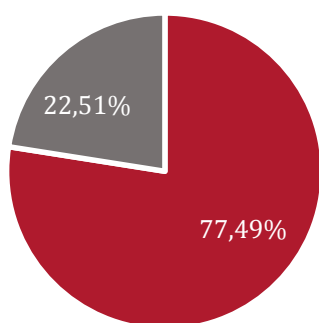
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2017		Năm 2018		% 2018/ 2017
		Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	
1	Dịch vụ lưu đậu xe ra vào bến	30,07	77,49	33,23	77,97	110,51
2	Dịch vụ hỗ trợ	8,74	22,51	9,39	22,03	107,44
Tổng cộng		38,81	100	42,62	100,00	109,82

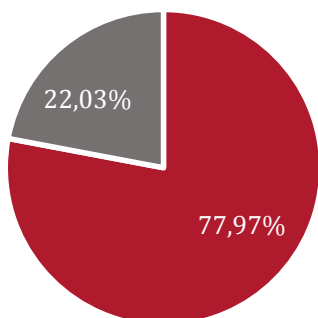
Năm 2017



- Doanh thu - dịch vụ lưu đậu xe ra vào bến
- Doanh thu - dịch vụ hỗ trợ



Năm 2018



- Doanh thu - dịch vụ lưu đậu xe ra vào bến
- Doanh thu - dịch vụ hỗ trợ



Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% TH 2018/ KH2018
Sản lượng					
I. Xe khách liên tỉnh					
1. Xe xuất bến	lượt	179.191	182.775	192.223	105,17%
2. Hành khách qua bến	lượt	4.135.664	4.218.377	4.598.626	109,01%
II. Phương tiện lưu đậu					
	lượt	284.469	290.158	289.434	99,75%
III. Xe buýt					
1. Xe xuất bến	lượt	649.143	649.143	689.122	106,16%
2. Hành khách nội tỉnh qua bến	lượt	18.088.639	18.088.639	19.387.689	107,18%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	40,88	44,15	51,02	115,56%
Tổng chi phí	Tỷ đồng	25,46	27,77	25,51	91,86%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,42	16,38	25,51	155,72%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12,27	13,04	20,34	156,03%
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	7,84	5,19	9,45	182,03%
1. Thuế GTGT	Tỷ đồng	3,37	0,44	3,76	854,55%
2. Thuế TNDN	Tỷ đồng	2,99	3,35	5,17	154,33%
3. Thuế khác (thuê đất, môn bài, TNCN)	Tỷ đồng	1,48	1,40	0,52	37,14%
Thu nhập bình quân	Triệu đồng	11,65	11,93	12,93	108,38%

Nguồn thu chủ yếu của Công ty đến từ hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải, chiếm gần 80% doanh thu thuần, bao gồm lệ phí xe khách ra vào bến và hoa hồng vé xe khách, phí cung cấp dịch vụ lưu đậu và xe bus. Riêng hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ chiếm khoảng hơn 20% doanh thu thuần của Công ty, chủ yếu tập trung vào khai thác kinh doanh dịch vụ, quảng cáo, dịch vụ hỗ trợ khác,... Cơ cấu doanh thu trong năm 2017 và 2018 được duy trì ổn định, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh doanh. Năm 2018 được đánh giá là một năm phát triển tốt của Công ty, trong đó Doanh thu – dịch vụ lưu đậu xe khách ra vào bến tăng 10,51% so với năm 2017. Doanh thu – dịch vụ hỗ trợ cũng tăng 7,44%, đạt mức 9,39 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty còn là chủ đầu tư của Dự án mở rộng, cải tạo Bến xe An Sương và Dự án bến xe Sông Tắc – một địa điểm thuận lợi cho việc kết nối giao thông do nằm trên tuyến đường cao tốc Long Thành – Dầu Giây, phục vụ cho hành khách khu vực Đông Nam Bộ đi khu vực miền Tây và ngược lại. Từ những cơ hội của các dự án đầu tư mang lại, Công ty tiếp tục phấn đấu tự hoàn thiện mình để ngày càng đạt hiệu quả cao trong việc thực hiện cung cấp các dịch vụ cho khách hàng một cách nhanh chóng và tiện lợi hơn.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

Tính tại thời điểm 01/03/2019

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Hiếu	Tổng Giám đốc	850.000	17,00%
2	Bồ Kim Thu Nga	Kế toán trưởng	18.750	0,38%

Thay đổi nhân sự Ban Tổng Giám đốc

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày bãi nhiệm
1	Tạ Chương Chín	Tổng Giám đốc	-	01/03/2019
2	Trần Hiếu	Tổng Giám đốc	01/03/2019	-



Một số hình ảnh hoạt động của Ban điều hành



Ông Tạ Chương Chín - Nguyên Tổng Giám Đốc Công ty trao nhận Giấy khen cho Chi bộ Bến xe An Sương

Ông Trần Hiếu – Tổng Giám Đốc Công ty phát biểu tại Hội nghị sơ kết SXKD và xây dựng Đảng 06 tháng đầu năm 2018



Bà Bồ Kim Thu Nga – Kế toán trưởng phát biểu tại Hội nghị Đại biểu Người lao động 2018

Ông Trần Hiếu

- Ngày sinh** : 02/01/1981
- Nơi sinh** : Quảng Ngãi
- Quốc tịch** : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú** : 102/6C Tây Lân, Bà Điểm, Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa** : 12/12
- Trình độ chuyên môn** : Kỹ sư vận tải, Thạc sĩ Tổ chức Quản lý Vận tải đường bộ.
- Quá trình công tác** :
- 06/2004 – 07/2005 Quản lý vận tải HKCC, Q. Đội trưởng Công ty TNHH Vận tải TP.HCM
 - 08/2005 – 10/2006 Quản lý vận tải HKCC, Đội trưởng Công ty TNHH Vận tải TP.HCM
 - 11/2006 – 09/2009 Quản lý vận tải HKCC, Đội trưởng đội xe 1 Công ty TNHH Vận tải TP.HCM
 - 10/2009 – 12/2009 Chuyên viên Phòng kế hoạch đầu tư CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
 - 01/2010 – 12/2010 Phó Trưởng Phòng kế hoạch đầu tư CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
 - 01/2011 – 02/2013 Phó Giám đốc Bến xe Ngã Tư Ga CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
 - 03/2013 – 01/2015 Phó Giám đốc Bến xe An Sương CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
 - 02/2015 – Nay Giám đốc Bến xe An Sương CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
 - 04/2016 - 03/2019 Phó TGĐ Công ty kiêm GD Bến xe An Sương, CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
 - 01/05/2016 - nay Thành viên HĐQT CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
 - 01/03/2019 - nay Tổng Giám đốc CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn



- ◆ **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn.
- ◆ **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- ◆ **Số cổ phần nắm giữ hiện nay:** 850.000 cổ phiếu, chiếm 17% vốn điều lệ.
 - Đại diện nắm giữ: 850.000 cổ phiếu, chiếm 17% vốn điều lệ.
 - Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- ◆ **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có.
- ◆ **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có.
- ◆ **Các khoản nợ đối với Công ty:** Không.
- ◆ **Các khoản lợi ích khác:** Thù lao thành viên HĐQT 5.000.000 đồng/tháng.
- ◆ **Hành vi vi phạm pháp luật:** Không có.
- ◆ **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:** Không có.



Bà BỒ Kim Thu Nga

Ngày sinh : 30/04/1965
Nơi sinh : Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 87 Tầng 3 trước, Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :



- 01/1986 – 10/1994 Nhân viên TCLĐTL – Công ty Công trình GTCC – Sở Giao thông vận tải TP.HCM
- 12/1994 – 06/1995 Nhân viên TCHC – Bến xe Hóc Môn
- 07/1995 – 03/2004 Nhân viên phòng KTTC – Công ty Bến bãi Vận tải hàng hóa TP.HCM
- 04/2004 – 06/2006 Phó phòng KTTC – Công ty Bến bãi Vận tải TP.HCM
- 07/2006 – Nay Kế toán trưởng CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 18.750 cổ phiếu, chiếm 0,37% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

Các khoản lợi ích khác: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

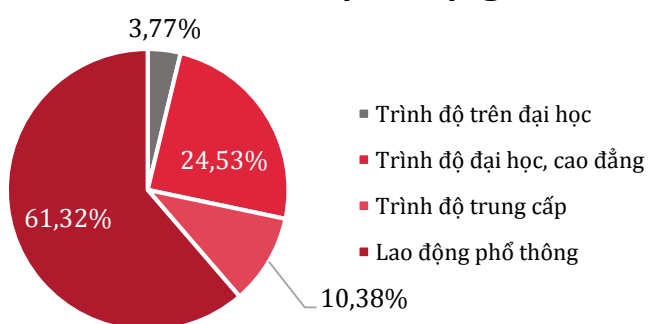
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.



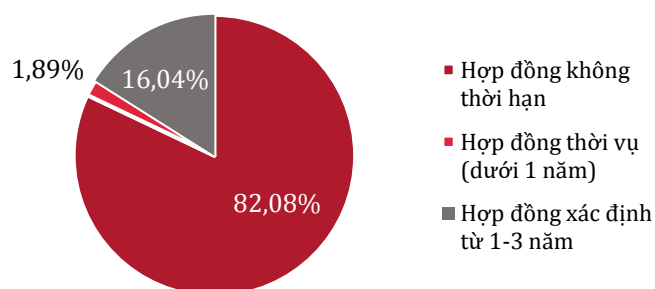
Số lượng cán bộ công nhân viên (tính đến ngày 31/12/2018)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	106	100,00%
1	Trên đại học	4	3,77%
2	Đại học, Cao Đẳng	26	24,53%
3	Trung cấp	11	10,38%
4	Lao động phổ thông	65	61,32%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	106	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	87	82,08%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	2	1,89%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	17	16,04%
C	Theo giới tính	106	100,00%
1	Nam	79	74,53%
2	Nữ	27	25,47%

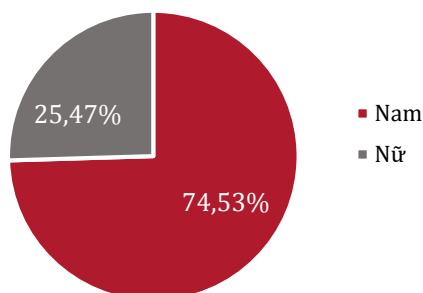
Theo trình độ lao động



Theo loại hợp đồng lao động

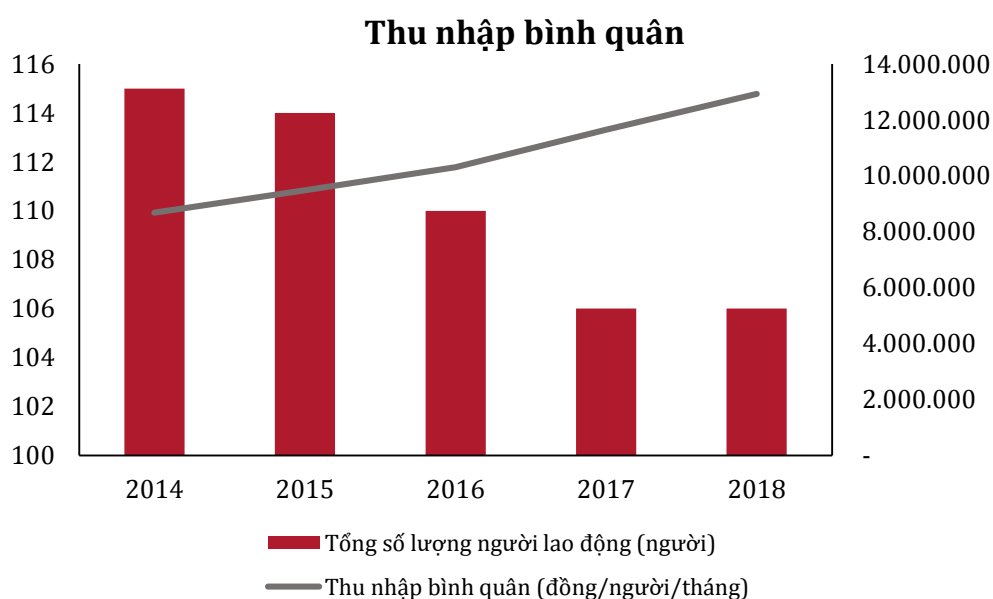


Theo giới tính



Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tổng số lượng người lao động (người)	114	110	106	106
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.482.000	10.310.000	11.650.000	12.930.000





Chính sách nhân sự

Phát triển nguồn nhân lực là một trong những vấn đề luôn được đưa vào định hướng, tầm nhìn chiến lược của Công ty. Công tác nhân sự luôn được chú trọng nhằm thu hút và tạo sự gắn bó giữa Người lao động và Công ty.

Chính sách lương

Công ty xây dựng chính sách lương riêng đảm bảo các chế độ lương theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của Người lao động.

Đảm bảo thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên cao hơn năm trước, thanh toán tiền lương 2 kỳ mỗi tháng, không có trường hợp chậm trả lương đối với Người lao động.

Chính sách thưởng

Hàng tháng, Công ty tiến hành đánh giá, bình bầu thi đua xếp loại lao động A, B, C và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng 13. Ngoài ra, nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động, Công ty còn có chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc.

Bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của Pháp luật.

Chế độ làm việc

Đảm bảo thời gian làm việc cho người lao động khối văn phòng theo chế độ thời gian làm việc 40 giờ/tuần và khối trực tiếp theo chế độ thời gian làm việc là 44 giờ đến 48 giờ/tuần. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo môi trường làm việc tốt cả về vật chất và tinh thần để người lao động phát huy hết khả năng trong công việc. Hằng năm, Công ty còn tổ chức tham quan nghỉ dưỡng, nhằm tạo môi trường sinh hoạt tập thể, gắn kết người lao động.



Tuyển dụng

Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho từng bộ phận, phòng ban. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng về trình độ chuyên môn cơ bản. Cán bộ quản lý tuyển dụng phải có trình độ chuyên môn cao, năng động và tốt nghiệp từ các trường Đại học trong và ngoài nước. Tìm kiếm và phát triển đội ngũ cán bộ trẻ kế cận có năng lực, có chuyên môn, giàu nhiệt huyết để dần tiếp nhận việc quản lý điều hành Công ty.

Công tác đào tạo

Việc cạnh tranh trên thị trường lao động ngày càng gay gắt dẫn đến rủi ro về việc chảy máu chất xám, không giữ chân được nhân sự có chất lượng cho Công ty. Vì vậy, Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và luôn tạo một môi trường làm việc tốt cho tất cả các nhân viên. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ hỗ trợ chi phí đào tạo nghiệp vụ ngắn hạn, dài hạn cho nhân viên theo quy chế đào tạo đã ban hành. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về công tác PCCC, tập huấn về các chương trình quản lý kiểm soát chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức tham quan học tập ở nước ngoài cho cho một số cán bộ kỹ thuật, cán bộ kinh tế và công nhân ưu tú để mở mang kiến thức, nâng cao nghiệp vụ.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Suong hiện hữu 1,7 ha

Trong năm 2018, Công ty tổ chức đấu thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, gồm 2 gói thầu: Thi công xây dựng và Tư vấn giám sát. Công ty đã thông báo mời thầu rộng rãi trên mạng đấu thầu quốc gia, đăng báo đấu thầu, phát hành Hồ sơ mời thầu từ ngày 23/4/2018 đến ngày 14/5/2018. Kết quả đấu thầu của 02 gói thầu nêu trên đều không có đơn vị trúng thầu. Công ty đã thông báo hủy thầu theo quy định.

Công ty đã lập báo cáo số 216/BC-STP ngày 17/9/2018, báo cáo Tổng Công ty về tình hình thực hiện dự án và kết quả cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 11/9/2018. Theo đó, Thành viên HĐQT (cũng là Đại diện nhóm cổ đông lớn chiếm 37,39% vốn điều lệ) có ý kiến đề nghị dừng thực hiện dự án.

Ngày 25/10/2018, Hội đồng quản trị Công ty ban hành nghị quyết số 44/NQ-HĐQT thống nhất sau khi có kết quả báo cáo kiểm toán nhà nước sẽ xem xét tiếp tục thực hiện dự án trên

Dự án Xây dựng Bến xe Sông Tắc

Bến xe Sông Tắc theo quy hoạch có quy mô 18,34 ha, nằm trên trục đường cao tốc Sài Gòn - Long Thành - Dầu Giây. Hiện tại Bến xe Sông Tắc chưa có kết nối giao thông đối ngoại với đường cao tốc Sài Gòn - Long Thành - Dầu Giây.

Kế hoạch năm 2018, Công ty triển khai lập quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Bến xe Sông Tắc. Thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT ngày 21/5/2018 và Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT ngày 17/7/2018 của Hội đồng quản trị, theo đó việc lập quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Bến xe Sông Tắc dời qua kế hoạch năm 2019.

Dự án Mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha)

Công ty đã đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2018.

Thực hiện theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT ngày 17/7/2018 của Hội đồng quản trị, Công ty đã triển khai lập khai toán kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Mở rộng bến xe An Sương (4,8 ha) và báo cáo Hội đồng quản trị xem xét với kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng ước tính khoảng 340 tỷ đồng.

Thực hiện theo công văn số 878/SC-HC ngày 04/10/2018 của Tổng Công ty Samco, Công ty đã lập báo cáo số 227/BC-STP ngày 10/10/2018, báo cáo Tổng Công ty về tình hình thực hiện dự án Mở rộng Bến xe An Sương và kèm theo Đề án chi tiết của dự án và phương án huy động vốn trình Tổng Công ty xem xét.

Các công tác xây dựng cơ bản khác

Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo sửa chữa các hạng mục công trình tại 02 bến xe nhằm cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng, đáp ứng quy chuẩn bến xe khách.

Tại bến xe Ngã tư Ga, Công ty đã thực hiện các hạng mục công trình như: Lắp đặt hệ thống PCCC; Lắp mái che cho người đi bộ từ khu trả khách vào phòng chờ, thay thế các nắp hố ga bị gỉ sét; Lắp đặt đèn chiếu sáng, bảng hiệu bến xe, vận hành bảo dưỡng định kỳ trạm xử lý nước thải, sơn sửa, chống dột khu văn phòng, nhà ga.

Tại bến xe An Sương, Công ty đã thực hiện các hạng mục công trình như duy tu sửa chữa mặt bãi; Sơn chống sét nhà để xe 02 bánh cao tầng; Lắp đặt hệ thống chống sét cho nhà để xe hai bánh; Sơn sửa khu văn phòng làm việc và nhà ga nhằm cải thiện chất lượng cơ sở vật chất để phục vụ hành khách tốt hơn.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% 2018/2017
1	Doanh thu thuần	38,81	42,63	109,84%
2	Chi phí, sản xuất, kinh doanh	25,46(*)	25,51	100,20%
3	Giá vốn hàng bán	19,69(*)	19,04	96,70%
4	Lợi nhuận trước thuế	15,42(*)	25,51	165,43%
5	Lợi nhuận sau thuế	12,27(*)	20,34	165,77%

Ghi chú: (*): Số liệu thay đổi vì hồi tố Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2017 theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và văn bản số 909/TB-KVIV ngày 30/11/2018 của Kiểm toán nhà nước Khu vực IV.

Trong năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty tăng trưởng ổn định. Doanh thu thuần tăng 9,84% so với năm 2017 ở mức 42,63 tỷ đồng, vượt kỳ vọng được đặt ra 41,76 đồng tương ứng 2,30%. Chi phí, sản xuất, kinh doanh không quá khác biệt so với năm 2017, duy trì ở mức 25,51 tỷ đồng. Giá vốn hàng bán cũng đồng thời giảm nhẹ 3,30% còn 19,04 tỷ đồng. Lợi nhuận trước và sau thuế tăng trưởng vượt trội ở mức 65,43% và 65,77% đạt giá trị tương ứng lần lượt 25,51 và 20,34 tỷ đồng.

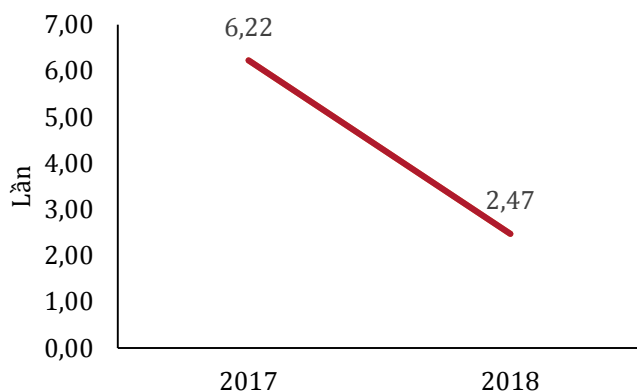


Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

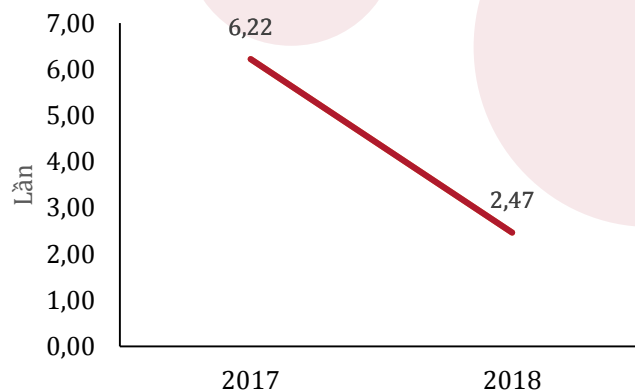
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6,22	2,47
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	6,22	2,47
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	13,43	34,77
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	15,51	53,31
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	-	-
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,59	0,47
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	31,62	47,72
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	22,61	29,73
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	18,60	22,42
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	39,10	50,02

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn



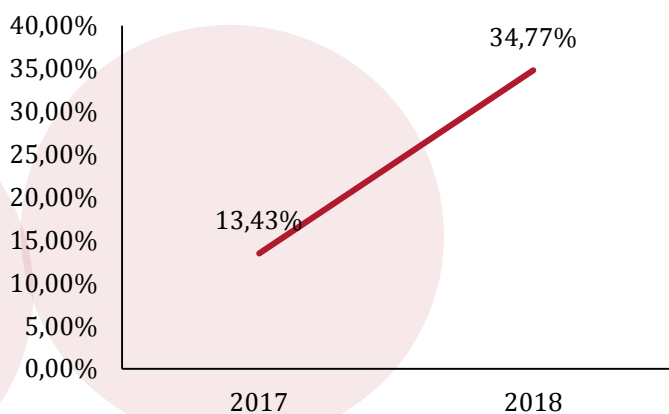
Hệ số thanh toán nhanh



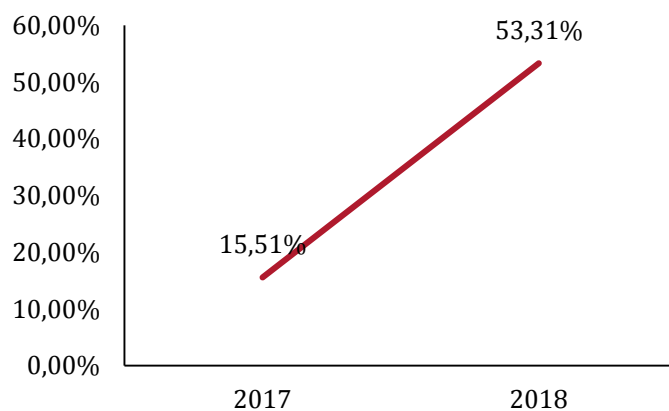
Các chỉ tiêu thanh toán của Công ty có xu hướng giảm trong năm 2018. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh giảm từ 6,22 lần xuống 2,47 lần. Nguyên nhân là Công ty có kế hoạch chi trả cổ tức 40%/mệnh giá bằng tiền mặt vào năm 2019 nên nợ ngắn hạn tăng đột biến. Nhìn chung, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán tốt vì không sử dụng nợ vay.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ/ Tổng tài sản



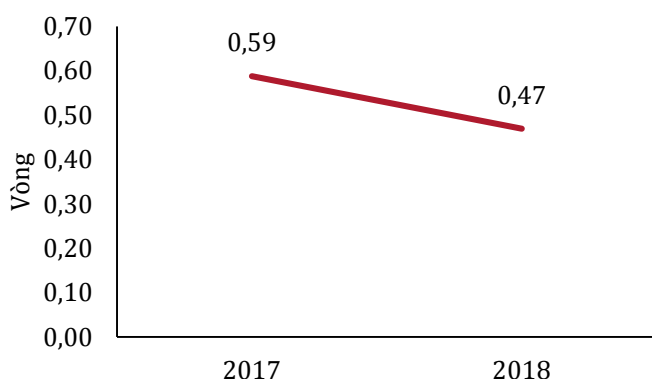
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn của TPS có sự chuyển dịch. Trong đó, hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 13,43% lên 34,77% và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 15,51% lên 53,31%. Sự dịch chuyển này chỉ mang tính thời điểm, không có ý nghĩa về việc phản ánh tình hình tài chính Công ty. Việc hạch toán lợi nhuận chia cho các cổ đông là lý do chính làm cho cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu thay đổi.

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

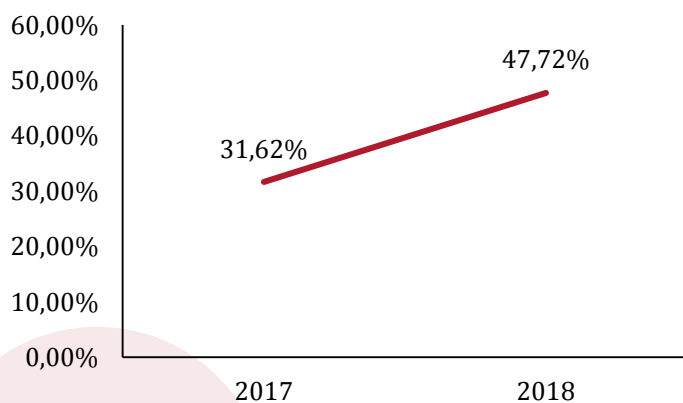
Vòng quay tổng tài sản



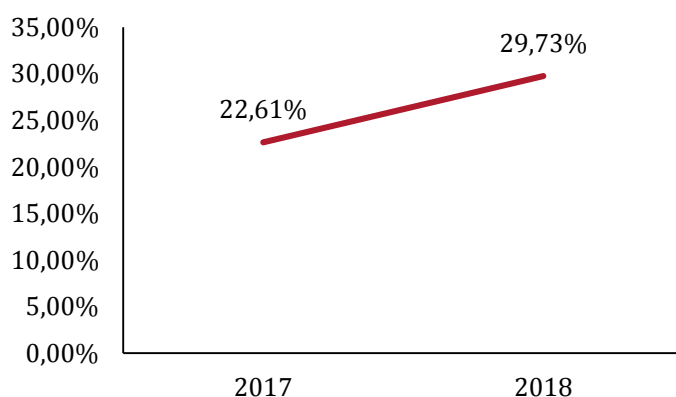
Do hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ kho bãi, Công ty không tồn trữ nguyên vật liệu. Từ đó, Công ty không phải chịu chi phí tồn kho như các doanh nghiệp sản xuất. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản của Công ty giảm từ 0,59 vòng xuống 0,47 vòng. Các khoản mục tổng tài sản và doanh thu nhìn chung vẫn tăng trưởng đồng đều nhưng chỉ số vòng quay vẫn còn khá thấp.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

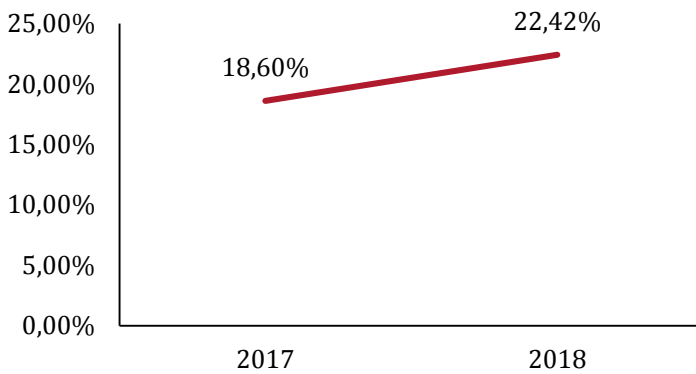
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần



Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân



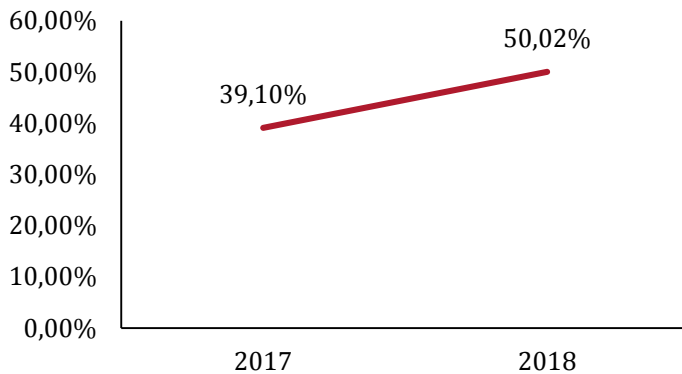
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân



Bằng nỗ lực của tập thể Công ty, hoạt động kinh doanh của Công ty đã có những thành quả nhất định bằng chứng được thể hiện qua các chỉ số về khả năng sinh lời đều tăng.

Lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đều tăng trên 40%. Kết quả này thể hiện khả năng vận hành của Công ty có dấu hiệu tích cực khi mà chi phí giá vốn và vận hành không tăng nhiều nhưng doanh thu lại tăng 9,84%.

Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 5.000.000 cổ phần

- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 5.000.000 cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: 5.000.000 cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/Cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 31/12/2018)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	2.550.000	2.550.000.000	51,00%
II	Cổ đông nội bộ	299.447	2.994.470.000	5,99%
II	Cổ đông trong nước	4.947.513	49.475.130.000	98,95%
1	Cá nhân	2.315.977	23.159.770.000	46,32%
2	Tổ chức	2.631.536	26.315.360.000	52,63%
III	Cổ đông nước ngoài	52.487	524.870.000	1,05%
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	52.487	524.870.000	1,05%
Tổng cộng		5.000.000	50.000.000.000	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có
- **Các chứng khoán khác:** Không có

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Hiện nay, hoạt động kinh doanh của Công ty chưa cần quản lý những nguồn nguyên vật liệu đầu vào vì chủ yếu các hoạt động chỉ liên quan đến việc cho thuê kho bãi. Việc quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào sẽ chỉ liên quan đến nâng cấp công trình xây dựng hay đầu tư cho dự án. Tuy nhiên, doanh nghiệp kiểm soát rất tốt về mặt quy trình xây dựng các dự án, tránh gây thất thoát nguyên liệu gây tổn thất cho Công ty

Công ty thực hiện đúng các quy trình về quản lý kho, xuất nhập tồn thành phẩm, nguyên liệu.



Tiêu thụ nước

Công ty luôn chú trọng đến lượng nước cũng như nguồn nước sử dụng. Lượng nước được định mức hóa tránh gây lãng phí thiệt hại cho doanh nghiệp như:

- Tối ưu hóa quy trình vệ sinh thiết bị nhà xưởng;
- Nhắc nhở việc tắt mở, sử dụng đúng mục đích và tiết kiệm nước;
- Tác sự dụng nguồn nước nếu có thể.

Tiêu thụ năng lượng

Công ty luôn quan tâm đến việc tiêu thụ năng lượng. Các nhiên liệu như xăng, dầu diezen, dầu nhớt, điện là những nhiên liệu được sử dụng phổ biến trong sinh hoạt và kinh doanh của doanh nghiệp. Việc tiêu thụ năng lượng của doanh nghiệp hiện tại đang được kiểm soát thông qua các chỉ số định mức và dựa trên mức độ đánh giá. Đối với tình trạng sử dụng năng lượng mất kiểm soát, công ty sẽ tìm các phương án nhằm cắt giảm mức sử dụng dựa trên tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra giải pháp xử lý tình trạng.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty tuân thủ, không vi phạm các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường. Đồng thời, Công ty luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan, đánh giá sự ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của Cán bộ công nhân viên, Công ty tổ chức các buổi tuyên truyền và đưa vào các chương trình đào tạo, diễn tập ứng phó với rủi ro như hỏa hoạn,..



Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách lương: Công ty luôn có những chính sách lương phù hợp với khả năng làm việc và trách nhiệm của người lao động. Việc trả lương luôn được đảm bảo đủ và đúng thời gian.

Chính sách khen thưởng: Công ty luôn xem xét, đánh giá mức độ hiệu quả của từng nhân sự sau đó phân loại, sắp xếp công việc phù hợp. Mục đích đánh giá là để khen thưởng cho khả năng làm việc người lao động vào cuối năm.

Bảo hiểm xã hội: Các nhân sự trong công ty được hưởng đủ quyền lợi liên quan đến bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế được pháp luật quy định.





Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty hiện đang cung cấp một số lượng công việc cho thị trường nhằm đảm bảo việc làm cho người lao động. Công ty cũng tạo dựng môi trường làm việc năng động, các chính sách phúc lợi đầy đủ nhằm khẳng định năng lực người lao động và đào tạo để nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả, các cán bộ công nhân viên càng có năng lực hơn, có chuyên môn hơn mang lại giá trị cho công ty để từ đó đạt được mức thu nhập cao hơn cho bản thân. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng phát triển vững mạnh hơn, mang lại nhiều lợi nhuận hơn, thu hút vốn hơn và mang thương hiệu doanh nghiệp đầy mạnh.

Ngoài các hoạt động kinh doanh, công ty còn tổ chức các hoạt động tình nguyện, các hoạt động xã hội, hoạt động nhân đạo, gây quỹ nhằm giúp cho địa phương ngày một tốt hơn. Hơn nữa, công ty còn hỗ trợ, tham gia trong các chương trình tài trợ phát triển địa phương, tham gia phòng chống tệ nạn, phát triển an ninh đô thị.

**BÁO CÁO CỦA BAN
TỔNG GIÁM ĐỐC**





Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

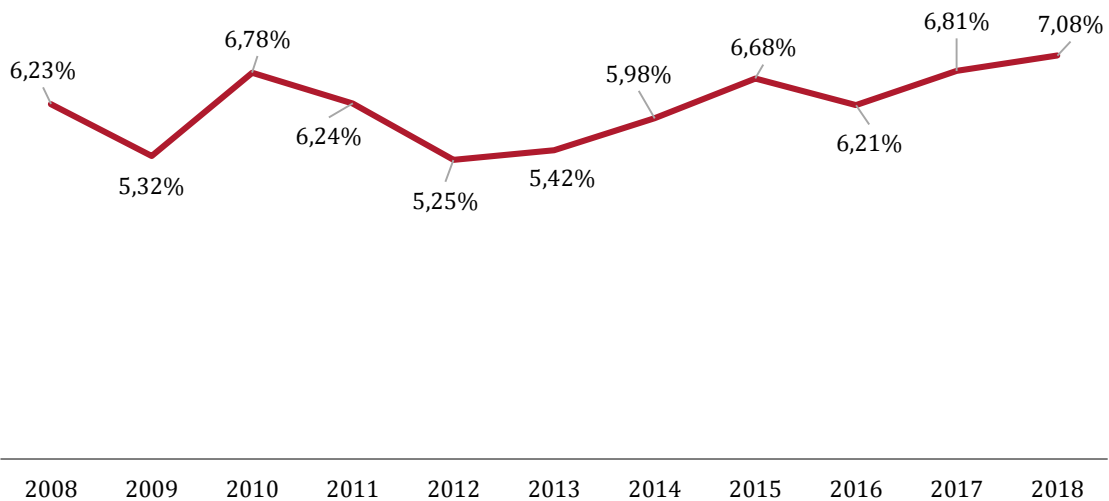
Tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2018, trước những biến động phức tạp của tình hình trong nước và thế giới, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả nổi bật. Tốc độ tăng trưởng đạt 7,08% - vượt chỉ tiêu Quốc hội đề ra 6,7%. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả năm dưới 4%, là năm thứ 3 thành công liên tiếp kiểm soát lạm phát dưới 4%. Tỷ giá, thị trường ngoại tệ ổn định; dự trữ ngoại hối nhà nước đạt kỷ lục trên 60 tỷ USD. Đặc biệt, đối với ngành Giao thông vận tải nói riêng, biến động giá xăng dầu trên thị trường quốc tế đã làm giá xăng dầu thị trường nội địa tăng giảm thường xuyên.

Trong năm, giá xăng dầu trong nước đi ngang và giảm nhẹ trong quý I; sang quý II và III bắt đầu tăng mạnh và đạt đỉnh vào tháng 10; sau đó giá bắt đầu đi xuống và giảm mạnh. Xu hướng tăng giá nhiên liệu từ đầu năm đến quý III đã khiến doanh nghiệp vận tải gặp nhiều áp lực trong việc đưa ra giá cước phù hợp vào quý IV giá nhiên liệu giảm mạnh nhưng không đủ bù đắp khó khăn.

Trong năm qua, Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn đã không ngừng cố gắng, nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Kết quả kinh doanh đạt được trong năm qua dựa trên một số yếu tố thuận lợi và khó khăn như sau.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong 10 năm



Thuận lợi:

Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ, định hướng phát triển từ Tổng Công ty, Sở Giao thông vận tải và Chính quyền địa phương. Hội đồng Quản trị, Ban điều hành luôn sâu sát, nắm chắc tình hình, chỉ đạo kịp thời những vấn đề quan trọng; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ.

Với sự nỗ lực, quyết tâm cao của tất cả cán bộ công nhân viên Công ty đã cố gắng thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã để ra.

Thương hiệu Công ty ngày càng được khẳng định và tạo được niềm tin đối với khách hàng nhờ việc nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng của Công ty và phối hợp với các đơn vị vận tải nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, dịch vụ hành khách.

Vận hành Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 ngày càng phát huy hiệu quả giúp cải tiến nhiều quy trình, giảm các thủ tục hành chính.

Công tác giữ gìn an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường được quan tâm thường xuyên cộng với sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền địa phương trong công tác phối hợp giữ gìn an ninh trật tự đã mang lại hiệu quả, tạo sự an tâm cho hành khách.

Khó khăn:

Cơ sở vật chất tại hai bến xe chưa phát triển đồng bộ; tiến độ dự án đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương còn gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai, dẫn đến chưa thể nâng cấp được cơ sở vật chất tại đây, vì vậy hình ảnh về cơ sở vật chất tại Bến xe An Sương chưa thật sự hấp dẫn khách hàng.

Quy hoạch tuyến vận tải hành khách công cộng ở thành phố Hồ Chí Minh bằng đường bộ chưa thật sự hiệu quả. Cụ thể, vừa qua 02 tuyến xe buýt được trợ giá có điểm đến là Bến xe An Sương và Bến xe Ngã Tư Ga phải ngừng hoạt động vì lượt khách đi lại trên các tuyến này ít, không đủ chi phí hoạt động, không mang lại hiệu quả cho hoạt động khai thác tuyến. Điều này cũng đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh dịch vụ bến bãi của Công ty.

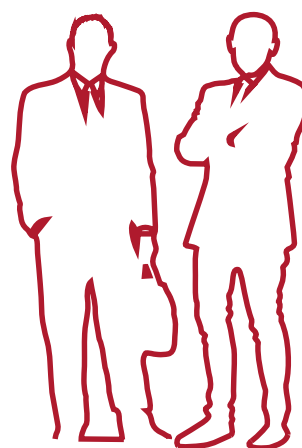
Tình trạng xe dù, bến cóc vẫn hoạt động rầm rộ và có nhiều diễn biến phức tạp tuy đã được quán triệt qua nhiều năm, nhưng chưa thực sự dứt điểm, và liên tục tái diễn. Sự phát triển của xe dù, bến cóc không chỉ ảnh hưởng đến đơn vị vận tải, và đơn vị kinh doanh bến bãi mà còn ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn thành phố.



Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

Năm 2018, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đạt mức tăng trưởng ổn định khi doanh thu thuần đạt 42,63 tỷ đồng, cao hơn so với kế hoạch được đặt ra 2,30% tương ứng với 41,76 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm 2017. Cụ thể, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 23,34% và doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 130,89%. Đồng thời các khoản thu khác cũng tăng mạnh từ việc hoàn tiền thuê đất tăng. Các yếu tố trên đã tạo động lực làm lợi nhuận trước thuế tăng 65,41% và đạt 25,51 tỷ đồng.

Nhìn chung, trong năm 2018 Công ty đã đạt kết quả hoạt động kinh doanh đáng khích lệ. Công ty tập trung thực hiện triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách: tiếp tục Dự án cải tạo nâng cấp Bến xe An Sương; Xây dựng Hệ thống Phòng cháy chữa cháy Nhà ga hành khách Phương Trang; sửa chữa nhà Vệ sinh Bến xe Ngã Tư Ga; Đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương (Giai đoạn 1); Nâng cấp nhà ga hiện hữu Bến xe An Sương,...



Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% Thực hiện 2018/ Kế hoạch 2018
Doanh thu thuần	41,76	42,63	102,30%
Lợi nhuận trước thuế	16,38	25,51	155,69%
Lợi nhuận sau thuế	13,04	20,34	156,04%
Tỷ lệ cổ tức	≥20%	40%	-



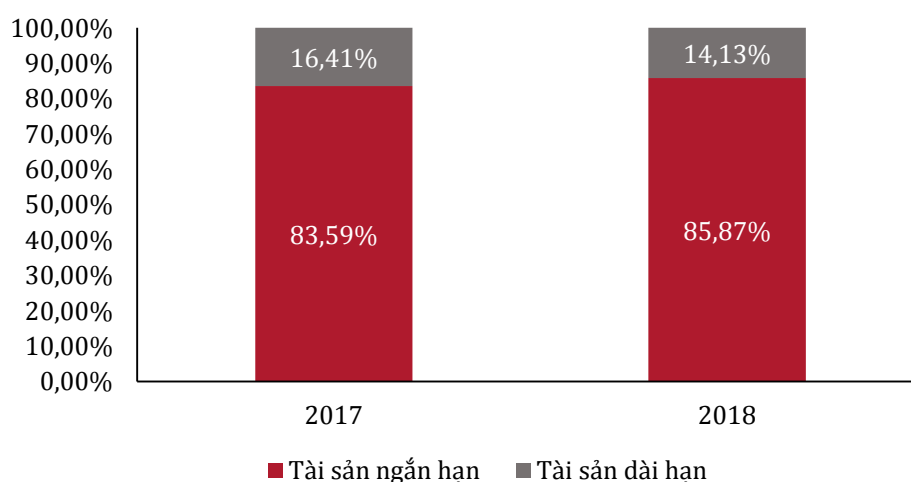
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	TH 2018/ TH 2017	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Tài sản ngắn hạn	72,37	81,45	112,54%	83,59%	85,87%
Tài sản dài hạn	14,21	13,40	94,34%	16,41%	14,13%
Tổng tài sản	86,58	94,85	109,55%	100%	100%

Cơ cấu tài sản



Tỷ trọng tài sản của Công ty không có sự thay đổi lớn so với năm 2017. Cụ thể tổng tài sản ở mức 94,84 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 85,87% đạt giá trị 81,45 tỷ đồng, tài sản dài hạn chỉ chiếm 14,13% tương ứng 13,40 tỷ đồng.

Động lực khiến tài sản ngắn hạn tăng trưởng 12,54% đến từ các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn trên 3 tháng tăng từ 29,2 lên 71,7 tỷ đồng, tăng 145,55% so với năm 2017. Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn cũng tăng 154,58% so với cùng kỳ năm trước. Tiền gửi có kì hạn cũng mang lại dòng tiền trong tương lai từ lãi tiền gửi tăng từ 1,1 đến 1,8 tỷ đồng, góp phần làm các khoản phải thu ngắn hạn khác tăng trưởng 59,72%.

ĐVT: Đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	23.983.985.246	2.906.879.663	12,12%
Máy móc thiết bị	518.458.150	21.314.792	4,11%
Phương tiện vận tải	1.052.181.821	116.909.103	11,11%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	239.743.818	27.193.942	11,34%
TSCĐ khác	201.972.694	149.763.102	74,15%
Cộng	25.996.341.729	3.222.060.602	12,39%

ĐVT: Đồng

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Chi phí giải phóng mặt bằng	9.440.419.030	6.838.318.337	72,44%
Phần mềm kế toán Bravo	201.000.000	130.650.000	65,00%
Cộng	9.641.419.030	6.968.968.337	72,28%

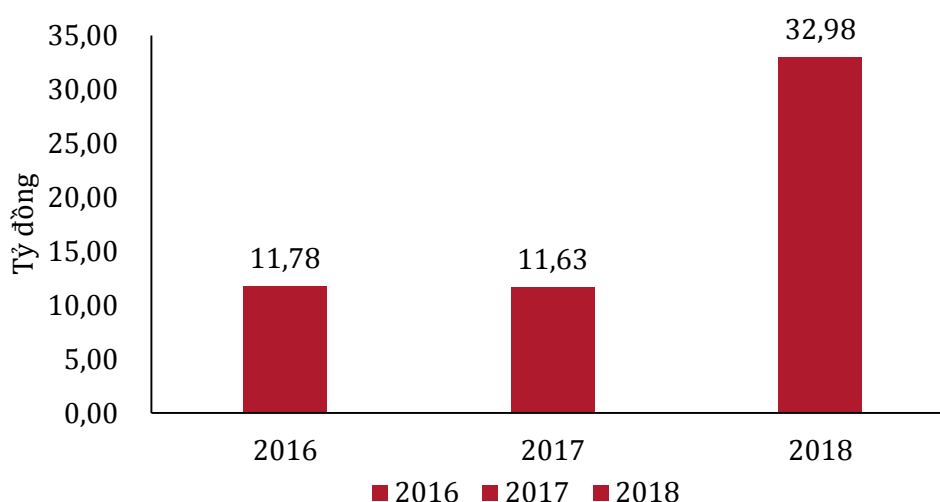
Tài sản dài hạn giảm nhẹ 5,66% so với năm 2017 đạt 13,40 tỷ đồng. Tài sản cố định hữu hình giảm 20,07% vì nhà cửa, kiến trúc; máy móc, thiết bị; phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý được khấu hao gần hết, giá trị Tài sản cố định hữu hình còn lại/ Nguyên giá chỉ còn 12,39%. Tài sản cố định vô hình cũng giảm nhẹ 3,46% đạt 6,97 tỷ đồng. Tuy nhiên, không chỉ dừng lại ở đó, Công ty đang thực hiện đầu tư các mở rộng quy mô bến xe và các dịch vụ đi kèm, để nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh. Chi phí xây dựng cơ bản năm qua đạt 2,97 tỷ đồng tăng 14,58% phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất của Công ty.

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	TH 2018/ TH 2017	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Nợ ngắn hạn	11,63	32,98	283,64%	100 %	100%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	11,63	32,98	283,64%	100%	100%

Nợ phải trả qua các năm



Tình hình nợ phải trả trong năm 2018 tăng mạnh hơn so với năm 2017 đạt 32,98 tỷ đồng tăng 183,64% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân chính khiến khoản mục nợ phải trả tăng mạnh đến từ khoản mục phải trả ngắn hạn khác với mục đích trích tạm ứng cổ tức năm 2018, với tỷ lệ chi trả cổ tức 40%/vốn điều lệ ứng với 20 tỷ đồng. Bên cạnh đó, giá trị khoản phải trả tăng đối với các đối tác, các nhà cung cấp từ Công ty TNHH KT CN Việt Tín Thành, Công ty TNHH MTV XD Minh Bảo, Công ty TNHH TK KT Xây dựng Hoàng Đạt,...Thêm nữa, quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty cũng được cải thiện 53,75% so với cùng kỳ năm trước đạt 3,8 tỷ.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Công tác hành chính:

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành, hoàn thành đề án “Hệ thống quản lý và điều hành Bến xe điện tử”, nâng cao công tác quản trị website Công ty.

Quản lý điều hành theo tiêu chuẩn Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015; Quy trình tác nghiệp chuẩn SOP.

Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp, kết nối thương hiệu với Tổng Công ty, quán triệt, tuyên truyền sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Công ty đến toàn thể người lao động và các đối tác.

Công tác pháp chế:

Trong năm, Công ty đã ban hành Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty theo Nghị quyết số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018 để đáp ứng công tác quản lý điều hành tại Công ty, tuân thủ theo sự điều tiết của Nghị định 71-2017/NĐ-CP Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty địa chúng. Sự thay đổi này đã nâng tầm cao mới cho công tác quản trị tiệm cận với thông lệ quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng quản trị công ty và đảm bảo hiệu quả hoạt động của các thành viên HĐQT.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Công ty tiếp tục duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, bám sát thực hiện thành công những định hướng của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2017 và 2018.

Bên cạnh đó, Công ty sẽ quyết liệt trong việc đẩy nhanh tiến độ giai đoạn 1 dự án Đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương và khởi động lại Dự án Bến xe Sông tấc.

Đồng thời, chú trọng đến công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ là yếu tố tiên quyết. Bên cạnh lượng khách hàng hiện có, Công ty sẽ thực hiện quảng bá rộng rãi để phát triển thêm khách hàng tiềm năng.

Áp dụng Công nghệ thông tin vào công tác điều hành theo mô hình quản lý bến xe điện tử nhằm giảm thiểu rủi ro về vận hành và phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
Vốn điều lệ	Đồng	50.000.000.000
Tổng Doanh thu	Đồng	49.905.000.000
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	21.721.464.000
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	17.307.317.000
Tỷ lệ cổ tức	%	15-20%



Kế hoạch đầu tư

Tiếp tục theo dõi xin ý kiến chỉ đạo của Tổng Công ty về Đề án chi tiết và phương án vốn để triển khai dự án.

Lập phương án đền bù giải phóng mặt bằng, triển khai đền bù giai đoạn 1, giải tỏa 1.000 m² phía trước bến xe khi bố trí được nguồn vốn.



**DỰ ÁN ĐẦU TƯ, NÂNG CẤP BẾN XE
AN SƯƠNG HIỆN HỮU 1,7HA**



**DỰ ÁN MỞ RỘNG BẾN XE
AN SƯƠNG 4,8 HA**

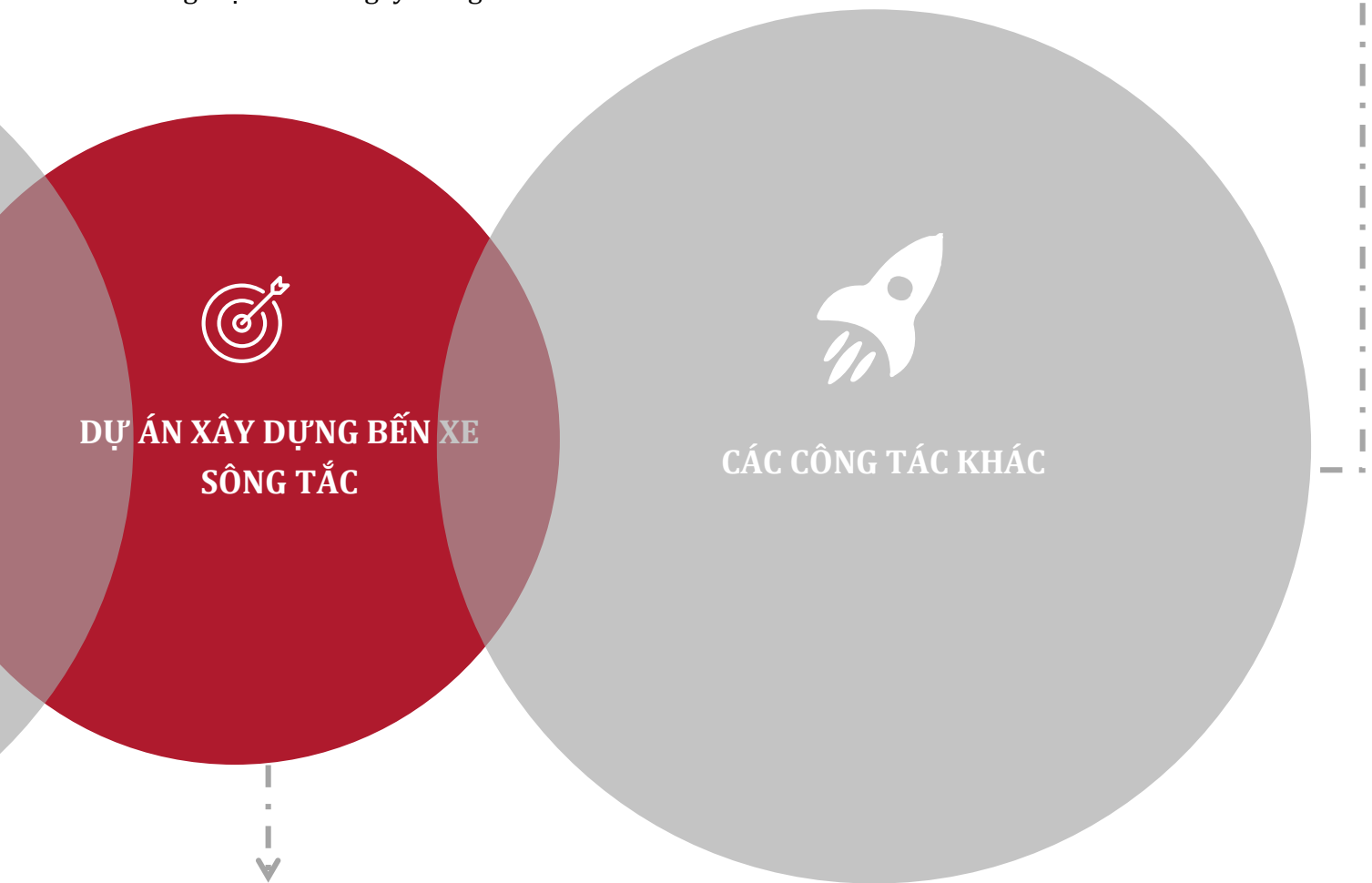
Xin ý kiến Hội đồng quản trị về việc tiếp tục triển khai dự án. Thực hiện các thủ tục pháp lý về gia hạn Giấy phép xây dựng, điều chỉnh dự án và Tổng mức đầu tư; điều chỉnh thiết kế và Giấy phép xây dựng.

Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu Thi công xây lắp và nhà thầu Tư vấn giám sát, triển khai khởi công sau khi có kết quả đấu thầu.

Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp chất lượng cơ sở hạ tầng hai Bến xe. Đầu tư phần mềm quản lý xe ra vào bến và phần cứng đồng bộ tại hai bến xe.

Tại Bến xe Ngã tư Ga thực hiện các hạng mục công trình: Cải tạo, nâng cấp dãy dịch vụ và mái che khu trả khách; Cải tạo, sửa chữa dãy phòng điều hành làm phòng chờ cho hành khách; Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải; Hạ dải phân cách trên mặt bãi để thực hiện phân khu các khu vực tác nghiệp của bến xe hợp lý, hiệu quả hơn.

Tại Bến xe An Sương, trong thời gian chờ thực hiện dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương, Công ty triển khai một số hạng mục công trình: Duy tu sửa chữa mặt bãi đảm bảo an toàn cho hành khách và phương tiện ra vào bến; Cải tạo hệ thống thoát nước hạn chế ngập úng mặt bãi lâu ngày trong mùa mưa.



Tiếp tục theo dõi thông tin về quy hoạch, kết nối giao thông khu vực xung quanh dự án Bến xe Sông Tắc.

Thực hiện khảo sát địa hình, lập Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết 1/500 trình các cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Đối với môi trường

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng phát triển, các đối tác và người tiêu dùng bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên của các doanh nghiệp cũng đang dần bị người tiêu dùng lên án. Mặt khác, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp dẫn đến giá tài nguyên tăng cao, hiệu quả công việc thấp hơn trong những khu vực bị ô nhiễm đã và đang ảnh hưởng sát sườn đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp nói chung và TPS nói riêng buộc phải quan tâm tới các khía cạnh môi trường, hiệu quả sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Muốn làm được vậy, Ban lãnh đạo doanh nghiệp luôn chú trọng nâng cao nhận thức của toàn thể doanh nghiệp về vấn đề này. Đồng thời xây dựng và chuyển đổi qua hệ thống quản lý với kế hoạch hành động xanh, tạo lập cơ sở vững chắc đảm bảo yếu tố môi trường, tính hiệu quả về sinh thái và sử dụng năng lượng, hạn chế phát thải nhà kính.

- Đối với cộng đồng và xã hội

Tiếp tục phát huy và quan tâm đến giá trị cốt lõi của Doanh nghiệp, Công ty đã cố gắng hoàn thành tốt trách nhiệm đối với cộng đồng và môi trường.

- Con người là giá trị cốt lõi của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên có môi trường làm việc thoải mái, được cống hiến và học hỏi, sáng tạo. Đi kèm với đó, chính sách lương thưởng và phúc lợi luôn được Công ty đảm bảo.
- Duy trì các hoạt động đóng góp vì cộng đồng. Thăm hỏi giúp đỡ các hoàn cảnh gia đình khó khăn, bất hạnh trên địa bàn. Hỗ trợ học bổng, quà, động viên các em học sinh nghèo, vượt khó.
- Giữ vững an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường tại khu vực bến xe.

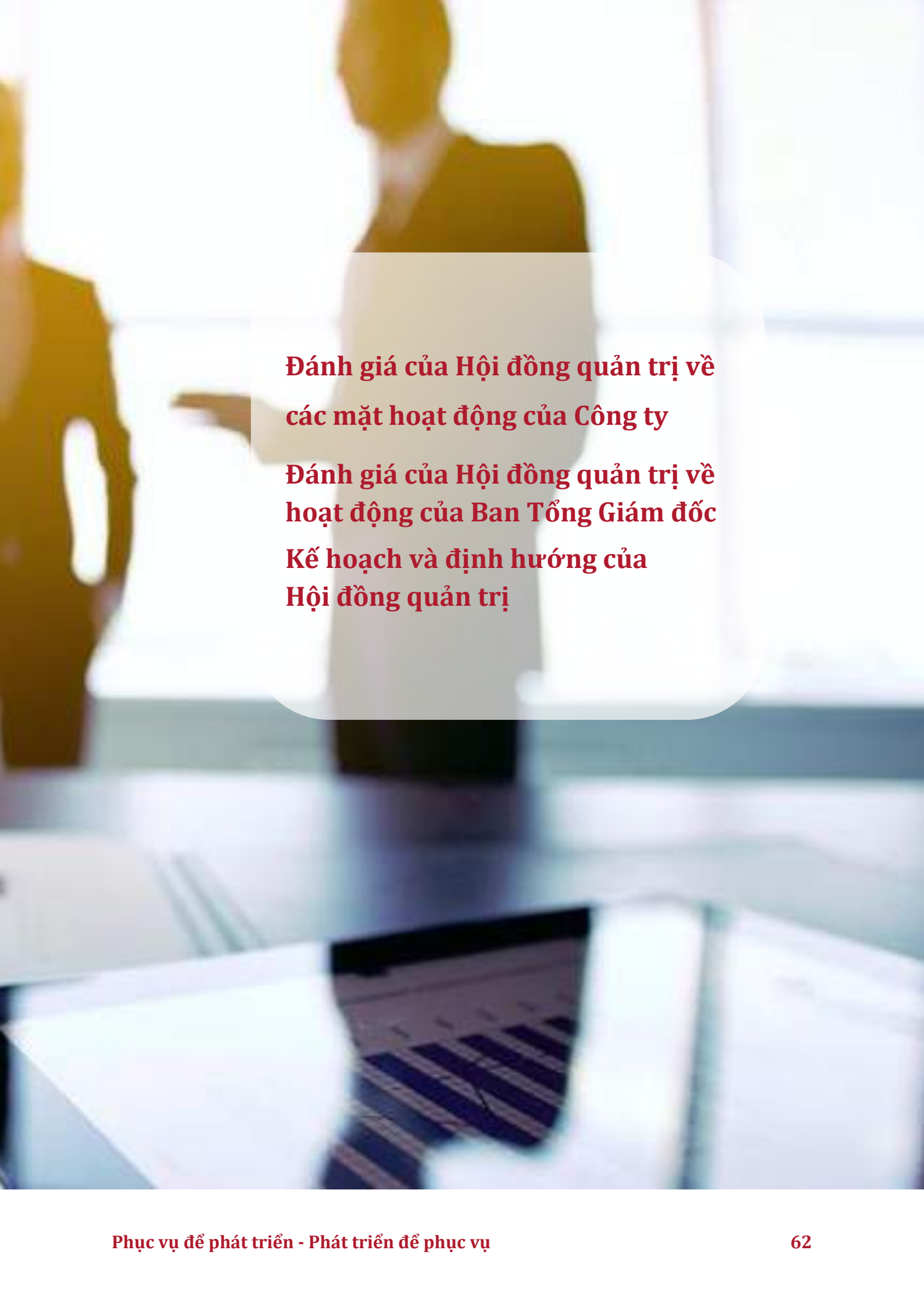




PHẦN IV

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





**Đánh giá của Hội đồng quản trị về
các mặt hoạt động của Công ty**

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về
hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Kế hoạch và định hướng của
Hội đồng quản trị**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2018 là một năm có nhiều cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, Vì vậy, Hội đồng quản trị đã tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2018 và đạt được nhiều thành tích:

- Duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;
- Nâng cao chất lượng dịch vụ và công tác chăm sóc khách hàng, phối hợp với đơn vị vận tải cải thiện dịch vụ vận tải, đón khách, trả khách tại bến;
- Thực hiện tốt công tác phục vụ hành khách tại Bến xe An Sương và Bến xe Ngã Tư Ga đặc biệt trong các dịp cao điểm lễ tết;
- Đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, Giữ vững An ninh trật tự, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ tại hai Bến xe trực thuộc;
- Áp dụng hiệu quả Công nghệ thông tin vào công tác điều hành quản lý theo mô hình quản lý bến xe điện tử nhằm giảm rủi ro và kiểm soát tốt hoạt động kinh doanh;
- Ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 giúp nâng cao hiệu quả vận hành có hiệu quả;
- Quản lý vốn đầu tư theo hướng trách nhiệm hiệu quả, luôn đảm bảo dòng tiền ổn định cho hoạt động kinh doanh; Tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, quản lý chi phí theo từng chi tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.
- Tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng trình độ đội ngũ Cán bộ Công nhân viên đảm bảo yêu cầu công việc, tổ chức sắp xếp lại bộ máy đảm bảo hoạt động hiệu quả, Xây dựng đội ngũ nhân sự vừa có năng lực chuyên môn vừa có tác phong chuyên nghiệp để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.



Bên cạnh những thành quả đã đạt được trong năm, Công ty cũng cần phải cải thiện:

- Việc triển khai dự án Đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương vẫn chưa được đưa vào thi công vì chưa có đơn vị nào trúng thầu hai gói thầu Thi công xây dựng và Tư vấn giám sát. Hội đồng quản trị đã giao cho Ban điều hành thực hiện các bước tiếp theo của dự án, tổ chức đấu thầu lại để tiếp tục dự án.
- Dự án Mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha) có kinh phí giải phóng mặt bằng lớn, gặp khó khăn trong công tác kêu gọi vốn đầu tư. Hội đồng quản trị giao cho Ban điều hành đề xuất phương án phương án, nguồn vốn giải phóng mặt bằng.
- Tình trạng xe dù, bến cóc, các đơn vị vận tải kinh doanh vận tải hợp đồng nhưng rước khách tuyến cố định vẫn còn tồn tại làm ảnh hưởng đến Doanh thu của Công ty và sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp vận tải.

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2018 thực hiện:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	%tăng/giảm 2018/2017	% tăng giảm TH 2018/KH 2018
Doanh thu thuần	38,81	42,63	9,84%	2,30%
Lợi nhuận thuần trước thuế	15,42	25,51	65,43%	55,74%
Lợi nhuận sau thuế	12,27	20,34	65,77%	52,25%



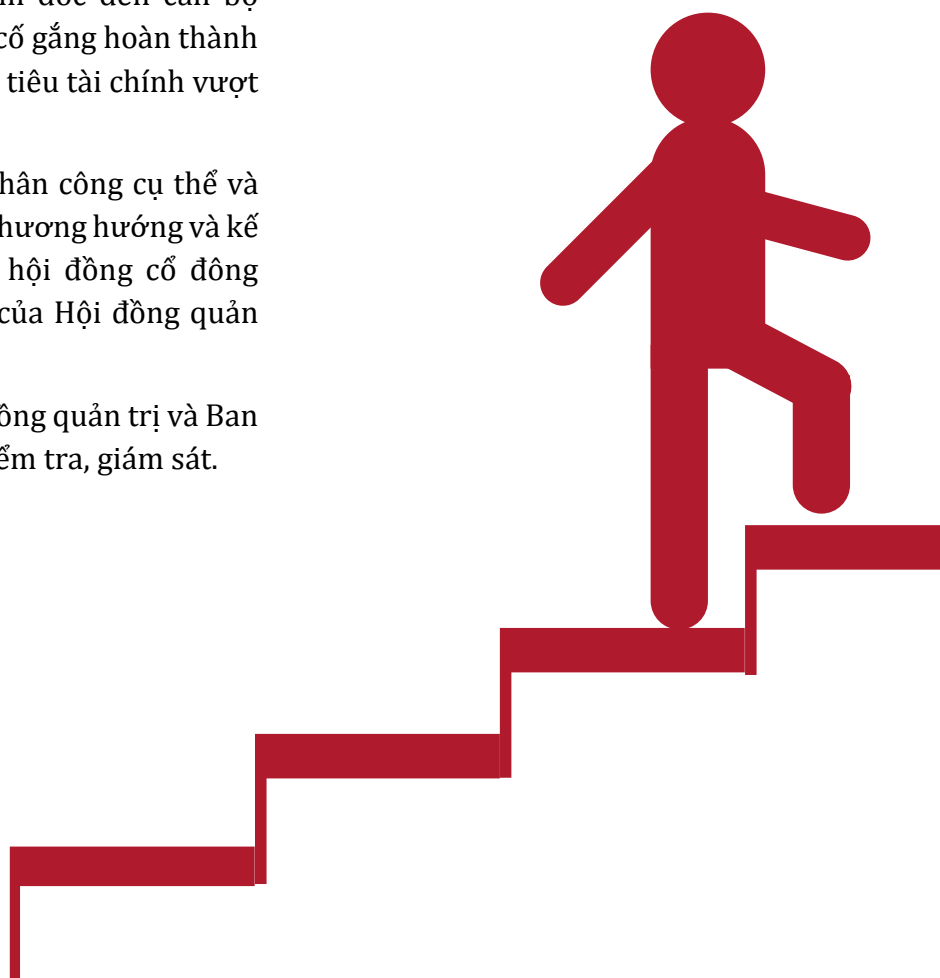
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát

Năm 2018 là một năm đánh dấu nhiều cột mốc mới tăng trưởng cho nền kinh tế Việt Nam tuy nhiên hoạt động kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn. Bằng sự quyết tâm và đoàn kết từ Ban Tổng Giám đốc đến cán bộ công nhân viên, Công ty đã cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đặt ra, tất cả chỉ tiêu tài chính vượt cao so với kế hoạch đặt ra.

Công tác điều hành được phân công cụ thể và chỉ đạo quyết liệt, bám sát phương hướng và kế hoạch hoạt động theo Đại hội đồng cổ đông năm 2018, và định hướng của Hội đồng quản trị.

Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát.





Kết quả hoạt động giám sát

Khép lại năm 2018, hoạt động kinh doanh của Công ty có những chuyển biến tích cực đáng ghi nhận.

Hoạt động kinh doanh bền bỉ tiếp tục tăng trưởng mặc dù gặp nhiều khó khăn khi hoạt động kinh doanh vận tải đang bị chi phối bởi giá nguyên liệu và cạnh tranh gay gắt.

Công tác giữ gìn an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường được quan tâm góp phần mang lại hiệu quả, tạo sự an tâm cho khách hàng

Tài chính công ty lành mạnh, phát triển minh bạch.

Công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được chú trọng, góp phần kết nối với nhà đầu tư về hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2019, Công ty sẽ thực hiện

- Duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bám sát thực hiện thành công những định hướng của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 và năm 2018;
- Chính trang cơ sở hạ tầng bến bãi nhằm thu hút các Doanh nghiệp vận tải vào bến, hoàn thành giai đoạn 1 dự án Đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương và khởi động lại Dự án Bến xe Sông Tắc;
- Thường xuyên quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ tại hai Bến xe để duy trì lượng khách hàng hiện có và phát triển thêm khách hàng tiềm năng, thường xuyên phối hợp cùng các đơn vị vận tải trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, các dịch vụ phục vụ hành khách tại hai bến;
- Chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, giữ vững An ninh trật tự, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ tại hai Bến xe trực thuộc;
- Áp dụng Công nghệ thông tin vào công tác điều hành quản lý theo mô hình quản lý bến xe điện tử nhằm giảm rủi ro và kiểm soát tốt hoạt động kinh doanh,
- Tiếp tục vận hành có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015;
- Quản lý vốn đầu tư theo hướng trách nhiệm hiệu quả, luôn đảm bảo dòng tiền ổn định cho hoạt động kinh doanh, tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch,
- Tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng trình độ đội ngũ Cán bộ Công nhân viên đảm bảo yêu cầu công việc, tổ chức sắp xếp lại bộ máy đảm bảo hoạt động hiệu quả, xây dựng đội ngũ nhân sự vừa có năng lực chuyên môn vừa có tác phong chuyên nghiệp để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao;
- Tiếp tục giữ vững danh hiệu hai Bến xe là Bến xe An toàn - Văn minh và Văn hóa doanh nghiệp, đạt tập thể lao động xuất sắc năm 2018.



Công ty có những kiến nghị để hoàn thành tốt nhiệm vụ mục tiêu phát triển đã đề ra trong năm 2019:

- Tổng Công ty xem xét hỗ trợ nguồn vốn đầu tư cho các dự án lớn Công ty đang triển khai như dự án Mở rộng bến xe An Sương 4,8 ha; dự án Xây dựng Bến xe Sông Tắc 18,34 ha;
- Các cơ quan thẩm quyền xem xét phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất cho dự án Bến xe An Sương 4,8 ha để Công ty có căn cứ triển khai đền bù giải phóng mặt bằng;
- Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét cơ chế đền bù giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để triển khai dự án, xem xét các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các dự án đầu tư bến bãi, nhằm tạo sức thu hút đối với các nhà đầu tư;
- Tiếp tục kiểm tra chấn chỉnh các vi phạm trong hoạt động vận tải, tình trạng xe dù trá hình bằng hình thức hợp đồng, đón trả khách không đúng quy định, không thực hiện đúng biểu đồ chạy xe.



PHẦN V

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY





Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc



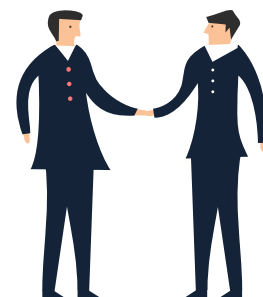
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên hội đồng quản trị

Tính đến ngày 31/12/2018

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Phan Nghĩa Bình	Chủ tịch HĐQT	850.000	17,00%
2	Ông Tạ Chương Chín	Thành viên HĐQT	850.000	17,00%
3	Ông Trần Hiếu	Thành viên HĐQT	850.000	17,00%
4	Ông Ngô Quang Trung	Thành viên HĐQT	266.974	5,34%
5	Bà Lê Thúy Hằng	Thành viên HĐQT	4.062	0,08%





Ông Phan Nghĩa Bình – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh : 17/10/1972
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 43- 45 Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Quận 5, TP.HCM
Trình độ văn hóa : 12/12

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Đầu tư Tổng Công ty

Số cổ phần nắm giữ hiện nay: 850.000 cổ phiếu, chiếm 17% vốn điều lệ.

- **Đại diện nắm giữ:** 850.000 cổ phiếu, chiếm 17% vốn điều lệ.
- **Cá nhân nắm giữ:** 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:
Không có.

Các khoản lợi ích khác: Thù lao Chủ tịch HĐQT 7.000.000 đồng/tháng.

Ông Tạ Chương Chín

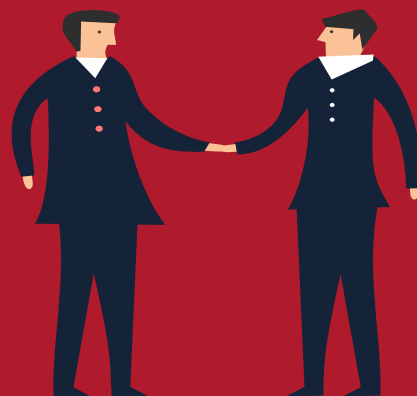


Ngày sinh : 29/11/1977
Nơi sinh : Xã Bình Nghi, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 108/1 KP 6, P. Tân Hưng Thuận, Quận 12, TPHCM
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư vận tải, Thạc sĩ Tổ chức Quản lý Vận tải đường bộ.

Quá trình công tác :

- 2002 – 2003 Chuyên viên - Trung tâm buýt Công ty TNHH Phương Trinh
- 2003 – 2004 Phó Giám đốc – Trung tâm buýt Công ty TNHH Phương Trinh
- 2004 – 2005 Tổ trưởng tổ điều hành – Công ty TNHH Vận tải Thành phố
- 2006 – 2007 Phó phòng kế hoạch điều hành – Công ty TNHH Vận tải Thành Phố
- 2008 – 2009 Trưởng phòng Kế hoạch điều hành- Công ty TNHH Vận tải Thành Phố
- 10/2009 – 03/2013 Phó Giám đốc Bến xe An Sương – CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn
- 04/2013 – 06/2014 Giám đốc Bến xe Ngã Tư Ga - CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn
- 07/2014 – 04/2016 Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, kiêm Giám đốc Bến xe Ngã Tư Ga
- 05/2016 – 02/2019 Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn

- ◆ **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Không có
- ◆ **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Phó Chánh văn phòng Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV
- ◆ **Số cổ phần nắm giữ hiện nay:** 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - **Đại diện nắm giữ:** 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - **Cá nhân nắm giữ:** 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- ◆ **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có.
- ◆ **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Bà Đỗ Kim Loan - Vợ, sở hữu 1.062 CP, chiếm 0,031% vốn điều lệ.





Ông Ngô Quang Trung

Ngày sinh	:	19/10/1976
Nơi sinh	:	Hà Nội
Quốc tịch	:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	:	42 Tân Canh, Phường 1, Quận Tân Bình, TP, Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Tài chính
Quá trình công tác	:	
- 2000 - 2004		Làm việc tại Canada
- 2005 - 2008		Giám đốc phụ trách bán lẻ Công ty Cổ phần Vinamilk
- 2009 - Nay		CB CNV Công ty CP TM & DV Công nghiệp Hoàng Gia
- 2016 - Nay		Thành viên HĐQT, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 266.974 cổ phiếu, chiếm 5,34% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Ông Ngô Quang Hiến - Anh ruột : 937.500 cổ phiếu, tỷ lệ 18,75%/vốn điều lệ

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Vợ: 130.625 cổ phiếu, tỷ lệ 2,61%/vốn điều lệ

Các khoản lợi ích khác: Thù lao thành viên HĐQT 5.000.000 đồng/tháng.



Bà Lê Thúy Hằng

- ◆ Ngày sinh : 30/04/1977
- ◆ Nơi sinh : TP, Hồ Chí Minh
- ◆ Quốc tịch : Việt Nam
- ◆ Địa chỉ thường trú : 50/2A khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP, Hồ Chí Minh
- ◆ Trình độ văn hóa : 12/12
- ◆ Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật, CEO
- ◆ Quá trình công tác :
 - 07/2000 – 01/2002 Cán bộ trật tự xây dựng – Kiểm phụ trách hộ tịch UBND Phường Tân Thới Hiệp
 - 02/2002 – 06/2004 Kế toán viên, UVBCH Đoàn phường, Phó Chủ tịch Hội LHPN UBND Phường Tân Thới Hiệp
 - 07/2004 – 08/2009 Nhân viên kế toán CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn
 - 09/2009 – 03/2010 Phó phòng Kế toán Tài chính CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn
 - 04/2010 – 04/2011 Phó phòng Kế toán Tài chính, Thành viên BKS, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, BCH Đảng bộ Công ty
 - 05/2011 – 11/2014 Phó phòng Kế toán Tài chính, Thành viên HĐQT, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, BCH Đảng bộ Công ty
 - 12/2014 – 04/2015 Trưởng phòng KHĐT, Thành viên HĐQT, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, BCH Đảng bộ Công ty
 - 05/2015 - Nay Trưởng phòng KHĐT, Thành viên HĐQT, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty
- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng KHĐTCTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn
- ◆ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
- ◆ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 4.062 cổ phiếu, chiếm 0,08 % vốn điều lệ,
- ◆ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- ◆ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:
Chồng : 1.062 cổ phiếu, tỷ lệ 0,031%/vốn điều lệ.
- ◆ Các khoản lợi ích khác: Thù lao thành viên HĐQT 5.000.000 đồng/tháng.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ tham dự họp
1	Phan Nghĩa Bình	Chủ tịch	100%
2	Tạ Chương Chín	Thành viên	100%
3	Trần Hiếu	Thành viên	100%
4	Ngô Quang Trung	Thành viên	100%
5	Lê Thúy Hằng	Thành viên	100%

Trong năm, Hội đồng quản trị đã đưa ra các Nghị quyết

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/NQ-HĐQT	09/01/2018	Nghị quyết HĐQT ngày 09/01/2018
2	05/NQ-HĐQT	10/01/2018	Nghị quyết HĐQT ngày 10/01/2018
3	10/NQ-HĐQT	30/01/2018	Nghị quyết HĐQT ngày 30/01/2018
4	13/NQ-HĐQT	15/03/2018	Nghị quyết HĐQT ngày 15/03/2018
5	17/NQ-HĐQT	13/04/2018	Nghị quyết HĐQT ngày 13/04/2018
6	33/NQ-HĐQT	24/04/2018	Nghị quyết HĐQT ngày 24/04/2018
7	36/NQ-HĐQT	21/05/2018	Nghị quyết HĐQT ngày 21/05/2018
8	38/NQ-HĐQT	17/07/2018	Nghị quyết HĐQT ngày 17/07/2018
9	40/NQ-HĐQT	21/08/2018	Nghị quyết HĐQT ngày 21/08/2018
10	44/NQ-HĐQT	25/10/2018	Nghị quyết HĐQT ngày 25/10/2018
11	45/NQ-HĐQT	29/12/2018	Nghị quyết HĐQT ngày 29/12/2018



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập
Không có.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị
Không có.



BAN KIỂM SOÁT

Danh sách Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Thị Thanh Thuận	Trưởng Ban	9.661	0,19%
2	Nguyễn Thị Bạch Huệ	Thành viên	-	0,00%
3	Võ Văn Đức	Thành viên	-	0,00%



Bà Lê Thị Thanh Thuận

Ngày sinh : 17/07/1982
Nơi sinh : TP.HCM
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 876/45 CMT8, Phường 5, Quận Tân Bình, TP.HCM
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân QTKD, Cử nhân Luật, Chứng chỉ CEO, Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng

Quá trình công tác :

- 04/2005 – 11/2006 Nhân viên Phòng tổ chức hành chính CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
- 11/2006 – 01/2008 Nhân viên Phòng KTTC CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
- 09/2009 – 04/2011 Phó phòng Tổ chức Hành chính CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
- 04/2011 – 12/2013 Thành viên Ban kiểm soát đại diện vốn Nhà nước, Phó phòng Tổ chức Hành chính CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
- 01/2014 – 11/2014 Thành viên Ban kiểm soát đại diện vốn Nhà nước, Quyền Trưởng phòng Tổ chức Hành chính CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
- 12/2014 – 03/2016 Thành viên Ban kiểm soát đại diện vốn Nhà nước, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
- 03/2016 – 04/2018 Giám đốc Bến xe Ngã Tư Ga, Quyền Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
- 04/2018 - nay Trưởng Ban kiểm soát CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 9.661 cổ phiếu, chiếm 0,19% vốn điều lệ.

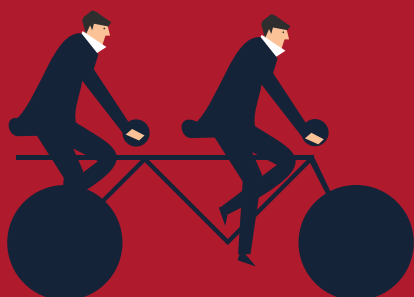
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

Các khoản lợi ích khác: Lương chuyên trách

Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ

- ◆ Ngày sinh : 18/10/1982
- ◆ Nơi sinh : TP, Hồ Chí Minh
- ◆ Quốc tịch : Việt Nam
- ◆ Địa chỉ thường trú : 46/3B Tổ 46 KP10, Phường Tân Chánh Hiệp, Q.12,
TP. HCM
- ◆ Trình độ văn hóa : 12/12
- ◆ Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- ◆ Quá trình công tác :
 - 08/2004 –04/2014 Nhân viên Kế toán Văn phòng Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn –TNHH MTV
 - 05/2014 –Nay Trưởng phòng TCKT –Xí nghiệp Công nghiệp và Dịch vụ Ô tô (ISAMCO)
 - 04/2011 –04/2018 Trưởng ban kiểm soát CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn
 - 04/2018 - nay Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn
- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn
- ◆ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Nhân viên Kế toán Văn phòng Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn –TNHH MTV
- ◆ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có
- ◆ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- ◆ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan: Không có.
- ◆ Các khoản lợi ích khác: Thù lao thành viên Ban kiểm soát 3.800.000 đồng/tháng.



Ông Võ Văn Đức

Ngày sinh : 05/10/1972
Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 359/1/9E Lê Văn Sỹ, P13, Q,3, TP.HCM



Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác :

- 12/1991–nay Giám định viên - Trưởng trạm CTCP FCC
- 29/12/2016 –Nay Kiểm soát viên CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kiểm soát viên CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng trạm TPHCM – Phòng AP – CTCP FCC

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan: Không có.

Các khoản lợi ích khác: Thù lao thành viên Ban kiểm soát 3.800.000 đồng/tháng.



Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động điều hành của HĐQT đã tuân thủ theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty.

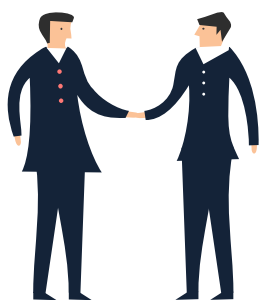
Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và BKS tham dự. Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2018 và công tác xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với mô hình sản xuất "Công ty cổ phần". Tài liệu được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo thông báo mời họp.

Những cuộc họp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế, phù hợp với Điều lệ Công ty.

Sau cuộc họp, HĐQT đã thông qua các quyết định phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và nằm trong thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã duy trì thường xuyên họp giao ban. Thành phần tham dự họp đầy đủ, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý, những khó khăn, vướng mắc được đưa ra các biện pháp giải quyết ngay trong cuộc họp. Mỗi cuộc họp đều được thư ký ghi chép đầy đủ nội dung các ý kiến chỉ đạo tổng hợp thông báo xuống các đơn vị sản xuất và phòng ban biết để thực hiện.



Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tham gia các cuộc họp của HĐQT.

Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi đến HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Thù lao/ Lương	Thưởng	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
1	Hội đồng quản trị				
	Phan Nghĩa Bình (8 tháng)	56.000.000	6.264.000	-	-
	Nguyễn Ngọc Linh (4 tháng)	28.000.000	3.132.000	-	-
	Tạ Chương Chín	60.000.000	6.711.000	-	-
	Trần Hiếu	60.000.000	6.711.000	-	-
	Ngô Quang Trung	60.000.000	6.711.000	-	-
	Lê Thúy Hằng	60.000.000	6.711.000	-	-
2	Ban Kiểm soát				
	Lê Thị Thanh Thuận	280.612.970	24.269.000	-	-
	Nguyễn Thị Bạch Huệ	52.000.000	5.817.000	-	-
	Võ Văn Đức	45.600.000	5.101.000	-	-
3	Ban Điều hành				
	Tạ Chương Chín	540.336.120	44.248.000	-	-
	Trần Hiếu	442.560.910	36.874.000	-	-
	Bồ Kim Thu Nga	411.570.000	36.089.000	-	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Thời gian giao dịch	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thường,,)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	08/06/2018-11/06/2018	Tạ Chương Chín	6.250	0,12%	38.761	0,78%	Nhu cầu cá nhân
2	11/09/2018-13/09/2018	Lê Thị Thanh Thuận	8.111	0,16%	9.661	0,19%	Nhu cầu cá nhân
3	05/11/2018-20/11/2018	Tạ Chương Chín	38.761	0,78%	38.761	0,78%	Nhu cầu cá nhân
4	26/11/2018-04/12/2018	Tạ Chương Chín	38.761	0,78%	-	0,00%	Nhu cầu cá nhân

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Năm 2018, Công ty thực hiện gia hạn các hợp đồng kinh doanh dịch vụ (Hợp đồng số 49/HĐ-STP ngày 13/3/2017 về việc cung cấp dịch vụ lưu trú cho hành khách, kho hàng; Hợp đồng số 50/HĐ-STP ngày 13/3/2017 về việc khai thác dịch vụ giữ xe hai bánh; Hợp đồng số 51/HĐ-STP ngày 13/3/2017 về việc khai thác dịch vụ căn tin, giải khát và buôn bán tạp hóa; Hợp đồng số 52/HĐ-STP ngày 13/3/2017 về việc khai thác kinh doanh dịch vụ vệ sinh tẩy giặt; Hợp đồng số 53/HĐ-STP ngày 13/3/2017 về việc khai thác kinh doanh dịch vụ sửa chữa) tại Bến xe An Sương với người có liên quan của người nội bộ là Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghiệp Hoàng Gia do Ông Ngô Quang Hiển làm Giám đốc (là anh ruột Ông Ngô Quang Trung –TVHĐQT Công ty) đến 31/12/2019 để đảm bảo doanh thu kế hoạch năm 2019 trong thời gian chờ thực hiện dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng quản trị.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018

PHẦN VI



9

8

6

5

4

3

2

1

0

Q1

Q2

14

12

10

8

6

4

2



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF
Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 26 tháng 01 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND
(Năm mươi tỷ đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/ cổ phần
Tổng số cổ phần: 5.000.000 cổ phần
Mã chứng khoán: TPS
Sàn giao dịch: UpCOM

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 37 161 333
- Fax : (84-28) 37 160 891

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty có các chi nhánh:

Chi nhánh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	Địa chỉ
Bến xe Ngã tư Ga	Số 0301114089-003 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/9/2016	720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Bến xe An Sương	Số 0301114089-002 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/9/2016	Quốc lộ 22, Ấp Đông Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là dịch vụ lưu đậu xe tải, vận chuyển hành khách liên tỉnh, hoạt động xe buýt và dịch vụ hỗ trợ.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Chủ tịch	28/04/2016	24/04/2018
Ông Phan Nghĩa Bình	Chủ tịch	24/04/2018	
Ông Tạ Chương Chín	Thành viên/ Tổng Giám đốc	01/07/2014	
Ông Trần Hiếu	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	28/04/2016	
Bà Lê Thúy Hằng	Thành viên	27/04/2011	
Ông Ngô Quang Trung	Thành viên	28/04/2016	

Ban kiểm soát

	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Thanh Thuận	Trưởng ban	24/04/2018	
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	Thành viên	27/04/2011	
Bà Nguyễn Thị Băng Tuyết	Thành viên	28/04/2016	24/04/2018
Ông Võ Văn Đức	Thành viên	29/12/2016	

Ban Giám đốc

	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Tạ Chương Chín	Tổng Giám đốc	28/04/2016
Ông Trần Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	27/04/2016

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Tạ Chương Chính (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016)

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



PHAN NGHĨA BÌNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2019



Số: 189/2019/BCKT-HCM.00348

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2019, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Một vài số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (số liệu so sánh) đã được trình bày lại theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2017 ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Kiểm toán Nhà nước.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2111-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

NGUYỄN NGỌC THÙY DUNG
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2782-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		81.444.676.394	72.367.779.865
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.936.995.312	39.242.369.781
Tiền	111		5.436.995.312	39.242.369.781
Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		71.700.000.000	29.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	71.700.000.000	29.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.807.681.082	3.925.410.084
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	366.366.630	143.910.800
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	458.055.600	539.819.192
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	-	2.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	1.983.258.852	1.241.680.092
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Hàng tồn kho	140		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.403.652.481	14.208.519.176
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		10.191.028.939	11.250.227.824
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	3.222.060.602	4.031.272.403
Nguyên giá	222		25.996.341.729	25.582.501.089
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.774.281.127)	(21.551.228.686)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	6.968.968.337	7.218.955.421
Nguyên giá	228		9.641.419.030	9.641.419.030
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.672.450.693)	(2.422.463.609)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.974.714.680	2.596.256.125
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	2.974.714.680	2.596.256.125
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		237.908.862	362.035.227
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	237.908.862	362.035.227
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		94.848.328.875	86.576.299.041

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		32.981.942.156	11.628.185.617
Nợ ngắn hạn	310		32.981.942.156	11.628.185.617
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	137.894.161	52.348.086
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		920	753.664.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.969.038.185	1.553.760.457
Phải trả người lao động	314		4.865.253.937	4.084.113.066
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	71.990.000	625.490.895
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		40.958.183	43.333.644
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	22.061.196.843	2.020.716.643
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.15	3.835.609.927	2.494.758.826
Nợ dài hạn	330		-	-
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61.866.386.719	74.948.113.424
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	61.866.386.719	74.948.113.424
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(127.180.000)	(127.180.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.195.583.479	5.596.485.592
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.797.983.240	19.478.807.832
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.457.209.945	7.207.221.916
LNST chưa phân phối năm nay	421b		340.773.295	12.271.585.916
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		94.848.328.875	86.576.299.041

NGUYỄN THỊ NGỌC DUY
Người lập biểu

BỘ KIM THU NGÀ
Kế toán trưởng



TẠ CHƯƠNG CHÍNH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		42.629.151.174	38.811.928.404
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	42.629.151.174	38.811.928.404
Giá vốn hàng bán	11	6.2	19.040.992.280	19.686.956.836
Lợi nhuận gộp	20		23.588.158.894	19.124.971.568
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.209.642.544	1.823.214.863
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	6.473.437.264	5.772.946.611
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		21.324.364.174	15.175.239.820
Thu nhập khác	31	6.5	4.182.186.038	246.685.705
Chi phí khác	32		700.000	1.900.000
Lợi nhuận khác	40		4.181.486.038	244.785.705
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.505.850.212	15.420.025.525
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	5.165.076.917	2.997.239.609
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	151.200.000
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.340.773.295	12.271.585.916
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	3.348	4.362

NGUYỄN THỊ NGỌC DUY
Người lập biểu

BÒ KIM THU NGA
Kế toán trưởng

TẠ CHƯƠNG CHÍN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	25.505.850.212	15.420.025.525
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.473.039.525	1.785.314.287
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.209.642.544)	(1.996.704.863)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	22.769.247.193	15.208.634.949
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(140.692.238)	188.794.001
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(269.185.421)	(1.215.210.407)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	124.126.365	(362.035.227)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.882.986.058)	(2.846.378.705)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.380.000	9.260.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.085.028.899)	(1.110.687.799)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.518.860.942	9.872.376.812
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(792.299.195)	(1.315.938.225)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	173.490.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(89.700.000.000)	(45.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	49.200.000.000	35.500.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.468.063.784	1.458.866.239
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(37.824.235.411)	(9.683.581.986)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	34.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.000.000.000)	(2.880.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.000.000.000)	31.120.000.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(32.305.374.469)	31.308.794.826
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	39.242.369.781	7.933.574.955
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	6.936.995.312	39.242.369.781

NGUYỄN THỊ NGỌC DUY
Người lập biểu

BỘ KIM THU NGA
Kế toán trưởng



TẠ CHƯƠNG CHÍNH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 02 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 26 tháng 01 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe;
- Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh qua bến xe và các phương tiện vận tải hành khách lưu đậu tại bến;
- Tham gia vận tải hành khách liên tỉnh theo Hợp đồng kinh tế;
- Tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải;
- Trung chuyển hàng hóa trong thành phố và vận chuyển hàng hóa đường bộ liên tỉnh bằng Hợp đồng kinh tế;
- Kinh doanh kho chứa hàng hóa; và
- Môi giới vận chuyển hàng hóa, giáo dục dạy nghề.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Chi nhánh</u>	<u>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động</u>	<u>Địa chỉ</u>
Bến xe Ngã tư Ga	Số 0301114089-003 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/9/2016	720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Bến xe An Sương	Số 0301114089-002 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/9/2016	Quốc lộ 22, Ấp Đông Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số nhân viên của Công ty là 106 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 106 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm chi phí sửa chữa bến bãi được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

4.6 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Tài sản cố định khác	05 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chi phí giải tỏa mặt bằng

Chi phí giải tỏa mặt bằng bến xe Ngã tư Ga được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 45 năm.

Phần mềm kế toán

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.15 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc

Quan hệ

Công ty mẹ
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Thành viên chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN
 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt – VND	374.598.767	394.028.489
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	5.062.396.545	38.848.341.292
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng – VND	1.500.000.000	-
	6.936.995.312	39.242.369.781

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng – VND		
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hóc Môn	50.000.000.000	24.700.000.000
• Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp	21.700.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	4.500.000.000
	71.700.000.000	29.200.000.000

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghiệp Hoàng Gia	183.709.600	100
Công ty cổ phần Xe Khách Phương Trang Futabuslines	140.081.730	-
Các khách hàng khác	42.575.300	143.910.700
	366.366.630	143.910.800

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Công Ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phòng Cháy Chữa Cháy Hải Long	210.000.000	-
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Giao thông Mê Kông	206.400.000	206.400.000
Các nhà cung cấp khác	41.655.600	333.419.192
	458.055.600	539.819.192

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	-	2.000.000.000
	-	2.000.000.000

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2018 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2018 Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Lãi dự thu – Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	-		10.684.667	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Lãi dự thu – tiền gửi có kỳ hạn	1.861.912.056	-	1.109.648.629	-
Phải thu về cổ phần hóa	116.346.796	-	116.346.796	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	-	5.000.000	-
	1.983.258.852	-	1.241.680.092	-

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2018	23.738.792.300	518.458.150	1.052.181.821	239.743.818	33.325.000	25.582.501.089
Mua sắm trong năm	245.192.946	-	-	-	65.646.800	310.839.746
Tăng từ XDCB dở dang	-	-	-	-	103.000.894	103.000.894
Tại ngày 31/12/2018	23.983.985.246	518.458.150	1.052.181.821	239.743.818	201.972.694	25.996.341.729
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2018	20.121.831.052	476.415.614	759.909.086	186.407.930	6.665.004	21.551.228.686
Khấu hao trong năm	955.274.531	20.727.744	175.363.632	26.141.946	45.544.588	1.223.052.441
Tại ngày 31/12/2018	21.077.105.583	497.143.358	935.272.718	212.549.876	52.209.592	22.774.281.127
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2018	3.616.961.248	42.042.536	292.272.735	53.335.888	26.659.996	4.031.272.403
Tại ngày 31/12/2018	2.906.879.663	21.314.792	116.909.103	27.193.942	149.763.102	3.222.060.602
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại ngày 01/01/2018	17.492.468.870	364.142.694	-	109.034.091	-	17.965.645.655
Tại ngày 31/12/2018	17.523.204.992	364.142.694	-	181.471.091	-	18.068.818.777

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2018	9.440.419.030	201.000.000	9.641.419.030
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	9.440.419.030	201.000.000	9.641.419.030
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2018	2.392.313.609	30.150.000	2.422.463.609
Khấu hao trong năm	209.787.084	40.200.000	249.987.084
Tại ngày 31/12/2018	2.602.100.693	70.350.000	2.672.450.693
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	7.048.105.421	170.850.000	7.218.955.421
Tại ngày 31/12/2018	6.838.318.337	130.650.000	6.968.968.337

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2018 VND	Phát sinh tăng VND	Kết chuyển sang TSCĐ VND	31/12/2018 VND
Dự án cải tạo nâng cấp bến xe An Sương	1.856.806.197	15.410.000	-	1.872.216.197
Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1) (*)	642.649.392	424.849.091	-	1.067.498.483
Nâng cấp nhà ga hiện hữu của Bến xe An Sương	35.000.000	-	-	35.000.000
Dự án, công trình khác	61.800.536	41.200.358	(103.000.894)	-
	2.596.256.125	481.459.449	(103.000.894)	2.974.714.680

(*) Chi tiết dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương" (giai đoạn 1) – Xem Thuyết minh 9.3.

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí sửa chữa, nâng cấp nhà vệ sinh Ngã Tư Ga	237.908.862	362.035.227
	237.908.862	362.035.227

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá trị VND	31/12/2018 Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	01/01/2018 Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công Ty TNHH MTV Tư Vấn Xây Dựng Minh Bảo	63.208.440	63.208.440	-	-
Công Ty TNHH Thiết kế Kiến trúc Xây dựng Hoàng Đạt	52.470.000	52.470.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	22.215.721	22.215.721	52.348.086	52.348.086
	137.894.161	137.894.161	52.348.086	52.348.086

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2018		Số phát sinh trong năm		31/12/2018	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	813.309.820	3.763.015.072	(3.640.553.623)	-	935.771.269
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	705.751.810	5.165.076.917	(4.882.986.058)	-	987.842.669
Thuế thu nhập cá nhân	-	34.698.827	361.862.347	(351.136.927)	-	45.424.247
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	156.419.608	(156.419.608)	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	-	1.553.760.457	9.451.373.944	(9.036.096.216)	-	1.969.038.185

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	2018 VND	2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.505.850.212	15.420.025.525
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Chi phí không được trừ</i>	321.909.832	321.886.160
<i>Chi phí trích trước</i>	-	(756.000.000)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng khác</i>	40.958.183	43.333.644
<i>Các khoản điều chỉnh giảm khác</i>	(43.333.644)	(43.047.279)
Thu nhập tính thuế	25.825.384.583	14.986.198.050
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.165.076.917	2.997.239.609

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí cải tạo, sửa chữa bến xe	-	540.000.000
Các khoản phải trả khác	71.990.000	85.490.895
	71.990.000	625.490.895

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thanh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả các bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV – cổ tức phải trả	10.200.000.000	-
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn		
• Xí nghiệp Cơ khí Ô tô An Lạc – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	500.000	500.000
• Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	81.894.000	81.894.000
• Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	9.550.000	3.250.000
Phải trả các đối tượng khác khác		
Cổ tức phải trả	9.800.000.000	-
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	1.960.132.843	1.925.952.643
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.120.000	9.120.000
	22.061.196.843	2.020.716.643

5.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2018 VND	Trích lập quỹ từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong năm VND	Thu khen thưởng VND	31/12/2018 VND
Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	2.458.158.826	3.270.000.000	(1.947.778.899)	3.380.000	3.783.759.927
Quỹ thưởng Ban điều hành	36.600.000	152.500.000	(137.250.000)	-	51.850.000
	2.494.758.826	3.422.500.000	(2.085.028.899)	3.380.000	3.835.609.927

5.16 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	16.000.000.000	-	5.214.313.409	12.364.082.830	33.578.396.239
Tăng vốn	34.000.000.000	(127.180.000)	-	-	33.872.820.000
Lãi trong năm	-	-	-	12.271.585.916	12.271.585.916
Trích lập các quỹ	-	-	382.172.183	(2.276.860.914)	(1.894.688.731)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.880.000.000)	(2.880.000.000)
Tại ngày 31/12/2017	50.000.000.000	(127.180.000)	5.596.485.592	19.478.807.832	74.948.113.424
Tại ngày 01/01/2018	50.000.000.000	(127.180.000)	5.596.485.592	19.478.807.832	74.948.113.424
Lãi trong năm	-	-	-	20.340.773.295	20.340.773.295
Trích lập các quỹ	-	-	599.097.887	(4.021.597.887)	(3.422.500.000)
Chia cổ tức 2017	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức 2018	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	50.000.000.000	(127.180.000)	6.195.583.479	5.797.983.240	61.866.386.719

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.16.2 Chi tiết vốn góp bởi các nhà đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26 tháng 01 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ:	50.000.000.000	VND
Tổng số cổ phần:	5.000.000	cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000	VND/cổ phần

Chi tiết vốn góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	2.550.000	51,00
Ngô Quang Hiến	937.500	18,75
Ngô Quang Trung	266.974	5,34
Nguyễn Hương Giang	250.000	5,00
Phan Kim Mỹ	250.000	5,00
125 cổ đông khác	745.526	14,91
	5.000.000	100,00

5.16.3 Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	1.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	1.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	1.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	1.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/CP.

5.16.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018, chi tiết như sau:

	VND
• Chia cổ tức (tỷ lệ 20% vốn điều lệ)	10.000.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	599.097.887
• Trích quỹ khen thưởng	817.500.000
• Trích quỹ phúc lợi	2.452.500.000
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành	152.500.000
• Lợi nhuận còn lại sau phân phối	5.457.209.945
	19.478.807.832

5.16.5 Tạm ứng cổ tức

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 45/HĐQT ngày 29 tháng 12 năm 2018, Công ty tạm chia cổ tức năm 2018 là 40% vốn điều lệ tương đương 20.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	42.629.151.174	38.811.928.404
	42.629.151.174	38.811.928.404

6.2 Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.040.992.280	19.686.956.836
	19.040.992.280	19.686.956.836

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.101.965.213	1.697.411.527
Lãi cho vay	107.677.331	125.803.336
	4.209.642.544	1.823.214.863

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	4.767.341.943	4.114.846.794
Chi phí công cụ, dụng cụ	281.662.900	155.648.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	241.705.578	231.655.572
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	241.304.063	440.280.191
Chi phí khác	936.422.780	825.515.529
	6.473.437.264	5.772.946.611

6.5 Thu nhập khác

	2018 VND	2017 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	173.490.000
Tiền thuê đất từ 01/07/2014 đến 31/12/2017 được giảm	4.121.971.575	-
Thu nhập khác	60.214.463	73.195.705
	4.182.186.038	246.685.705

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN
 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.6 Lãi trên cổ phiếu

6.6.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.340.773.295	12.271.585.916
Trừ: trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(3.603.012.500)	(3.422.500.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.737.760.795	8.849.085.916
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.000.000	2.028.493
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.348	4.362

(*) Quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2018 được tính căn cứ theo phương án kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2018 của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	2018 VND	2017 VND
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	1.600.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	3.400.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	2.028.493

6.6.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

6.7 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân công	19.105.613.852	17.314.683.415
Chi phí công cụ, dụng cụ	688.489.698	718.357.620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.473.039.525	1.785.314.287
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.405.173.559	2.514.405.265
Chi phí khác	1.842.112.910	3.127.142.860
	25.514.429.544	25.459.903.447

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Công ty đã ghi nhận khoản lãi dự thu cho các hợp đồng tiền gửi và cho vay:

	2018 VND	2017 VND
Lãi dự thu	1.861.912.056	1.120.333.296

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Phải trả người bán	137.894.161	-	137.894.161
Phải trả khác và chi phí phải trả	22.133.186.843	-	22.133.186.843
	22.271.081.004	-	22.271.081.004
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Phải trả người bán	52.348.086	-	52.348.086
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.646.207.538	-	2.646.207.538
	2.698.555.624	-	2.698.555.624

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu của khách hàng</i>	366.366.630	143.910.800	366.366.630	143.910.800
<i>Phải thu khác</i>	1.866.912.056	1.125.333.296	1.866.912.056	1.125.333.296
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	71.700.000.000	29.200.000.000	71.700.000.000	29.200.000.000
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	6.936.995.312	39.242.369.781	6.936.995.312	39.242.369.781
Tổng cộng	80.870.273.998	71.711.613.877	80.870.273.998	71.711.613.877
Nợ phải trả tài chính				
<i>Phải trả người bán</i>	137.894.161	52.348.086	137.894.161	52.348.086
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	22.133.186.843	2.646.207.538	22.133.186.843	2.646.207.538
Tổng cộng	22.271.081.004	2.698.555.624	22.271.081.004	2.698.555.624

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2018 VND	2017 VND
Thu nhập Ban Giám đốc Công ty	633.600.000	578.392.105
Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	421.600.000	453.400.000
Thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc	137.250.000	329.400.000
	1.192.450.000	1.361.192.105

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Nội dung nghiệp vụ	2018 VND	2017 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Lãi cho vay	107.677.331	125.803.336
	Cổ tức	15.300.000.000	1.468.800.000
	Cung cấp dịch vụ	19.636.364	32.181.818
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ	447.530.453	376.931.250
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Cung cấp dịch vụ	171.241.147	60.272.726

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác

	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Cho vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
	Lãi cho vay	-	10.684.667
	Tạm ứng cổ tức	(10.200.000.000)	-
	Nhận ký quỹ ngắn hạn	(500.000)	(500.000)
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Nhận ký quỹ ngắn hạn	(81.894.000)	(81.894.000)
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Phải thu ngắn hạn	-	-
	Nhận ký quỹ ngắn hạn	(9.550.000)	(3.250.000)

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ lưu đậu, các dịch vụ hỗ trợ và trong một khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh.

9.3 Tình hình sử dụng vốn thực hiện dự án “Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương” (giai đoạn 1)

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng quản trị và Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ, toàn bộ số vốn thu được từ đợt phát hành là 34.000.000.000 VND sẽ được sử dụng để bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh để thực hiện Dự án “Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương”.

+ Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2018:

STT	Nội dung	Số tiền VND
1	Tư vấn thiết kế PCCC	75.900.000
2	Tư vấn lập kế hoạch bảo vệ môi trường	22.000.000
3	Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	143.000.000
4	Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	27.000.000
5	Phí thẩm định Thiết kế cơ sở	2.948.000
6	Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	630.000.000
7	Tư vấn quản lý dự án	206.400.000
8	Tư vấn đấu thầu quản lý dự án	6.000.000
9	Tư vấn đấu thầu khảo sát địa chất	2.448.000
10	Tư vấn đấu thầu thiết kế thi công và dự toán	5.000.000
11	Tư vấn khảo sát địa chất	115.665.000
12	Tư vấn khảo sát địa chất bước thiết kế bản vẽ thi công dự án	6.600.000
13	Tư vấn thẩm tra TKBVTC và dự toán	93.115.000
14	Phí thẩm tra thiết kế và dự toán	12.954.000
15	Photo, scan hồ sơ	28.374.500
16	Đăng báo đấu thầu	1.650.000
	Tổng cộng	1.379.054.500

Tổng chi cho dự án đến ngày báo cáo này:

Số tiền chưa sử dụng:

Tổng cộng:

Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang đến 31/12/2018:

Theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng quản trị, Công ty đã chuyển tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu chưa sử dụng sang tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng nhằm tạo hiệu quả cao nhất trong sử dụng vốn.

+ Tiến độ thực hiện dự án:

Sở xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đã thẩm định thiết kế xây dựng và cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn số 09/GPXDCTH ngày 12 tháng 01 năm 2018; Hội đồng quản trị đã phê duyệt thiết kế và dự toán, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Công ty đã tổ chức đấu thầu gói thầu “Thi công xây dựng” và gói thầu “Tư vấn giám sát”; tuy nhiên, không có đơn vị trúng thầu. Hiện, Công ty đang chuẩn bị tổ chức đấu thầu lại để tiếp tục thực hiện dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

9.4 Thông tin so sánh

Công ty trình bày lại số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2017 ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Kiểm toán Nhà nước; ảnh hưởng của việc trình bày đến số liệu báo cáo tài chính như sau:

	Thuyết minh	Số liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
Bảng cân đối kế toán				
Chi phí trả trước dài hạn	5.10 (i)	-	362.035.227	362.035.227
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.12 (ii)	1.481.353.412	72.407.045	1.553.760.457
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.16	19.189.179.650	289.628.182	19.478.807.832
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn hàng bán	6.2 (i)	20.048.992.063	(362.035.227)	19.686.956.836
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.12 (ii)	2.924.832.564	72.407.045	2.997.239.609
Lợi nhuận sau thuế TNDN		11.981.957.734	289.628.182	12.271.585.916
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.6 (iii)	4.220	142	4.362
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	(i)	15.057.990.298	362.035.227	15.420.025.525
		-	(362.035.227)	(362.035.227)
Chi tiết điều chỉnh:				
(i) Điều chỉnh giảm chi phí sửa chữa nâng cấp nhà vệ sinh Bến xe Ngã Tư Ga:				
Chi phí trả trước dài hạn			362.035.227	362.035.227
Giá vốn hàng bán			(362.035.227)	(362.035.227)
(ii) Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do điều chỉnh giảm chi phí sửa chữa nhân cấp nhà vệ sinh Bến xe Ngã Tư Ga:				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			72.407.045	72.407.045
Chi phí thuế TNDN hiện hành			72.407.045	72.407.045
(iii) Trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 do thay đổi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:				
			Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu VND	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND/cổ phiếu
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông			8.559.457.734	4.220
Điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			289.628.182	142
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu đã điều chỉnh			8.849.085.916	4.362

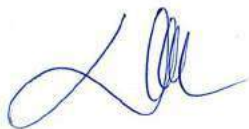
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ NGỌC DUY
Người lập biểu



BỘ KIM THU NGÀ
Kế toán trưởng

TẠ CHƯƠNG CHÍN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2019



CHỮ KÝ TỔNG GIÁM ĐỐC

